




# TÀI LIỆU KHÓA HỌC

## PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM Y HỌC CƠ BẢN

 (+84)984.407.554  
(+84)984.497.443



[itam.edu.vn](http://itam.edu.vn)



[Info@itam.edu.vn](mailto:Info@itam.edu.vn)  
[quanlydaotaoquocte@gmail.com](mailto:quanlydaotaoquocte@gmail.com)



Phòng 202, Số Nhà 48, Quang Lâm,  
Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội.

## Công ty cổ phần Quản lý và Đào tạo quốc tế

### Cung cấp các khóa CME

1. Quản lý chất lượng bệnh viện
  2. Quản lý bệnh viện
  3. Quản lý điều dưỡng
  4. An toàn tiêm chủng
  5. Thực hành tốt bảo quản vắc xin (GSP)
  6. Phương pháp Sư phạm y học cơ bản
  7. Phương pháp dạy học lâm sàng
  8. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện
  9. Công tác xã hội trong y tế
  10. Phương pháp nghiên cứu y học
  11. Y tế lao động
1. Quản lý nhà nước ngành chuyên viên, chuyên viện chính
  2. Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên CĐ, ĐH
  3. Trung cấp lý luận chính trị (khu vực Hà Nội)
  4. Đấu thầu cơ bản, đấu thầu qua mạng
  5. Chức danh nghề nghiệp y tế (bác sĩ, điều dưỡng...)
  6. Các khóa đào tạo liên tục theo nhu cầu khác

 (+84)984.407.554  
(+84)984.497.443

 [itam.edu.vn](http://itam.edu.vn)

 [info@itam.edu.vn](mailto:info@itam.edu.vn)  
[quanlydaotaoquocite@gmail.com](mailto:quanlydaotaoquocite@gmail.com)

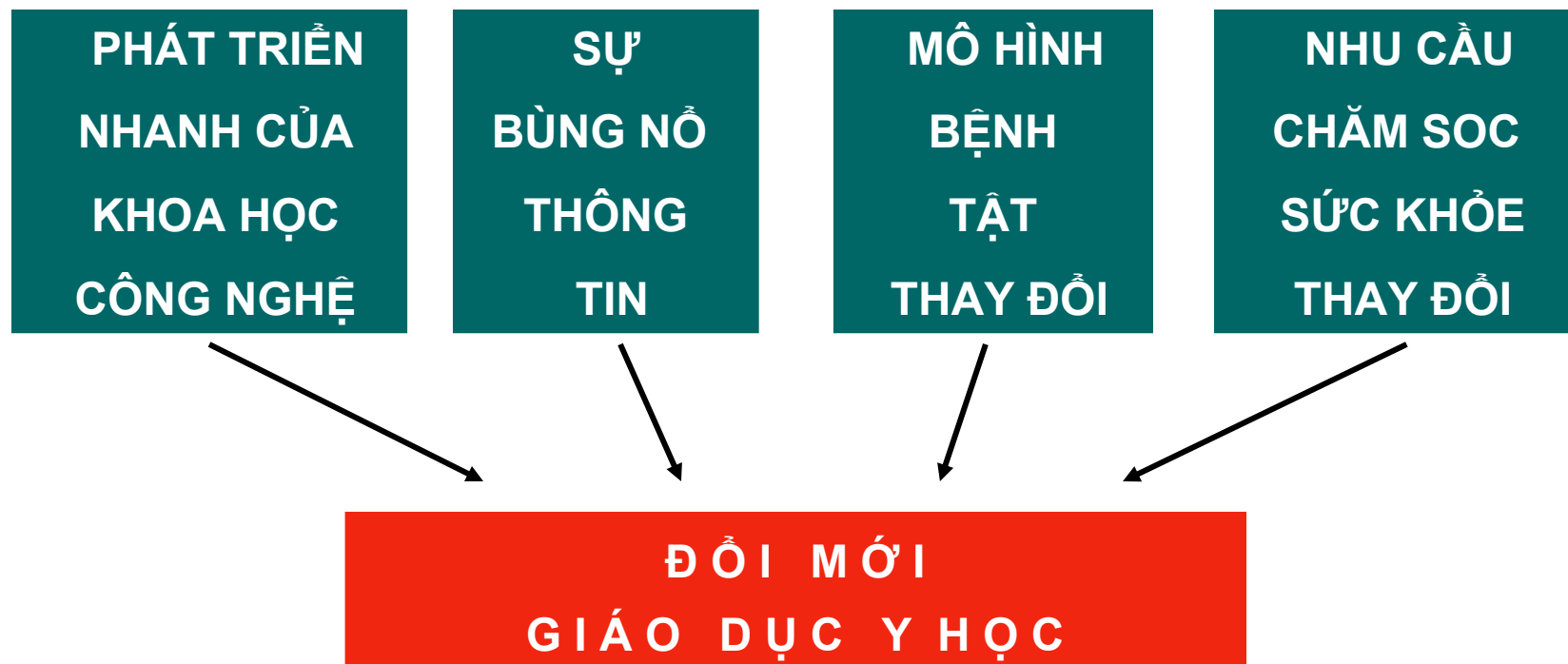
 Phòng 202, Số Nhà 48, Quang Lâm,  
Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội.

# **CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC TÍCH CỰC**

# MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Phân tích được những yếu tố tác động khách quan đòi hỏi phải đổi mới giáo dục y học.
2. Trình bày được khái niệm dạy-học tích cực và bốn đặc điểm của dạy-học tích cực.
3. Trình bày ưu nhược điểm của các phương pháp dạy-học tích cực.

# NHỮNG ÁP LỰC ĐÒI HỎI PHẢI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Y HỌC



# **NHỮNG HẠN CHẾ CỦA PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC CŨ**

- Thầy là trung tâm: dạy những gì thầy có và cho là cần.
- Phương pháp truyền thụ: Người học thụ động.
- Kết quả học tập: Nặng về thuộc (kiến thức)  
và bắt chước (kỹ năng thao tác).
- Không rèn luyện cho người học tính chủ động, sáng tạo  
và khả năng tự học suốt đời.

## **Hậu quả:**

- Không đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sk cộng đồng.
- Không đủ năng lực đương đầu với các thách thức mới.

## **KHÁI NIỆM DẠY-HỌC TÍCH CỰC**

- Dạy-học là một quá trình gồm hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó trò là trung tâm.
- Dạy-học tích cực = Dạy tích cực + Học tích cực.  
Thầy: Hướng dẫn, hỗ trợ, khích lệ trò.  
Trò: Chủ động tích cực tham gia vào hoạt động học để đạt được mục tiêu học tập.

## **BỐN ĐẶC ĐIỂM CỦA DẠY-HỌC TÍCH CỰC**

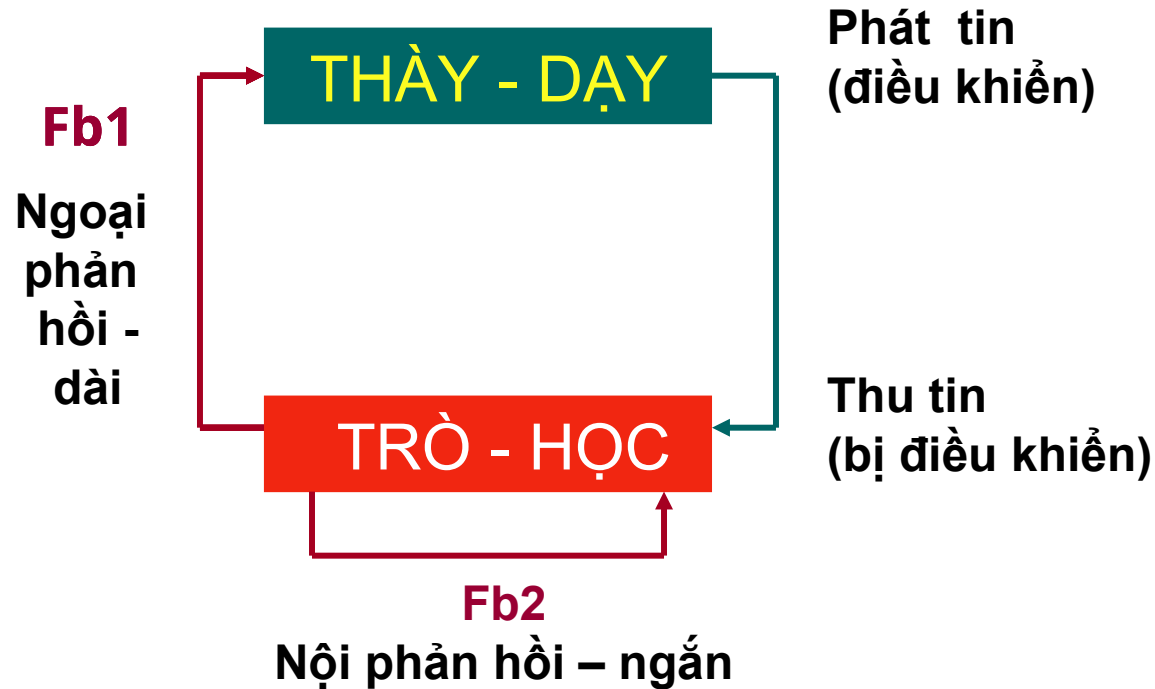
1. Dạy-học theo mục tiêu.
2. Có sự tham gia tích cực của người học.
3. Có sự phản hồi thường xuyên.
4. Lượng giá theo mục tiêu.

### **Kết quả:**

- Đáp ứng được nhu cầu chăm sóc SK cộng đồng.
- Có khả năng tự học suốt đời, thích ứng được với các thách thức mới.

# TÍN HIỆU PHẢN HỒI TRONG DẠY-HỌC TÍCH CỰC

(Theo ngôn ngữ điều khiển học)



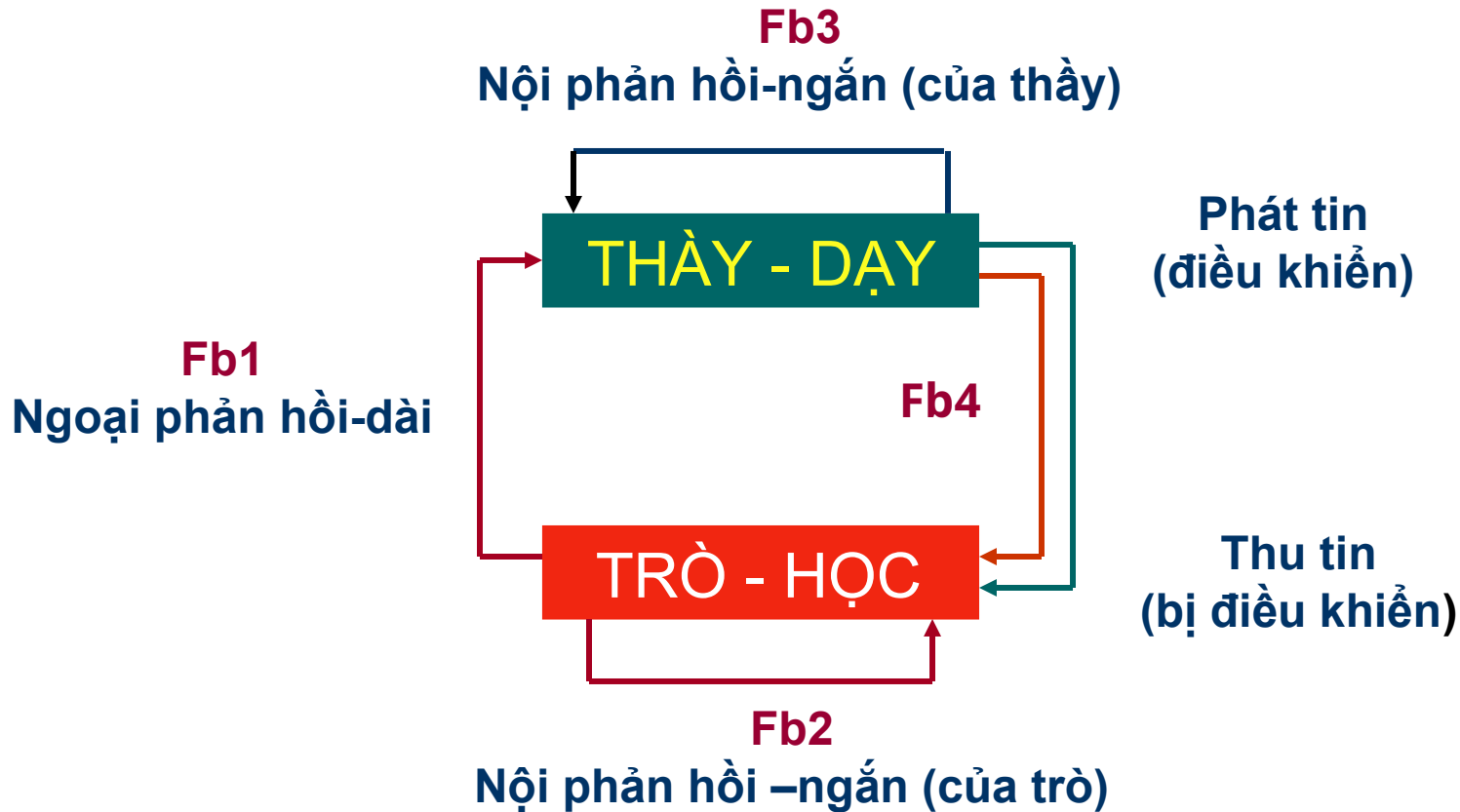
**FB:** Feedback

**FB1:** Điều chỉnh quá trình dạy.

**FB2:** Điều chỉnh quá trình học, mang tính tích cực.

# TÍN HIỆU PHẢN HỒI TRONG DẠY-HỌC TÍCH CỰC

(Theo ngôn ngữ điều khiển học)



**FB1 và FB3 :** Điều chỉnh quá trình dạy.

**FB2 và FB4 :** Điều chỉnh quá trình học .

## CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC TÍCH CỰC

- Dạy-học bằng động não (Brainstorming)
- Dạy học bằng thảo luận nhóm nhỏ (Small group discussion)
- Dạy-học bằng nghiên cứu tình huống (Case study)
- Dạy-học dựa trên vấn đề (PBL - Problem-based learning)
- Dạy-học bằng đóng vai (Role play)
- Dạy-học bằng bảng kiểm (Check list)
- . . .

Bất kỳ phương pháp dạy-học nào bám sát mục tiêu học tập, hướng dẫn, hỗ trợ, khích lệ trò phát huy tính tích cực đều là phương pháp dạy-học tích cực!

# 1. Động não (khái niệm)

- Khuyến khích học viên đưa ra các **ý kiến, quan điểm và khả năng** về một chủ đề nhất định.
- Nhằm huy động những tư tưởng **mới mẻ, độc đáo** về một chủ đề.
- Nhằm tạo ra **“cơ lõi”** các ý tưởng.

# Động não (qui tắc)

- Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các học viên
- Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

# Một số phương pháp

1. Truyền thống
2. Viết nhiều nói một
3. Động não, dán giấy

## 2. Thuyết trình

- Dùng lời nói để trình bày, giải thích, phân tích nội dung bài học theo một trình tự chặt chẽ, logic, có hệ thống cho học viên tiếp thu kiến thức.
- Tích cực: dưới 20 phút

## 2. Thuyết trình

- Chuẩn bị một kế hoạch bài giảng rõ ràng
- Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ giảng dạy
- Chuẩn bị những ghi chú chính
- Tập giảng thử trước khi thuyết trình
- Nói rõ và chậm, duy trì tiếp xúc bằng mắt, di chuyển trong phòng học
- Sự tham gia của học viên: càng nhiều càng tốt
- Với các kỹ thuật dạy học khác: sáng tạo và hợp lý.

## 2. Thuyết trình

1. **Kể chuyện:**
2. **Miêu tả, tường thuật:**
3. **Giải thích-minh họa:**
4. **Diễn giảng:**

# 3. Đóng vai

- Là phương pháp mà qua **tình huống thực tế** được thể hiện qua đóng vai trong thời gian nhất định để học viên có thể học về kỹ năng giao tiếp và thái độ ứng xử liên quan đến chủ đề học tập.

# 3. Đóng vai

- Xác định rõ mục tiêu và các vai
- Chuẩn bị các vai
- Trực tiếp giao nhiệm vụ cho từng người tham gia đóng vai (phân vai)
- Xác định rõ thời gian cho phép
- Chuẩn bị sẵn người tạo ra tình huống
- Thảo luận về đóng vai bao gồm cả việc hỏi người đóng vai xem cảm tưởng của họ và cách làm cho việc đóng vai được tốt hơn
- Chú ý chuẩn bị đủ vai để cho mọi học viên có thể tham gia đóng vai từng nhóm 2 hoặc 3 học viên.

## 4. Thảo luận nhóm

- Là một hoạt động trong đó một nhóm (thường là nhóm nhỏ từ 6-8 người) được giao hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể trong một thời gian và nguồn lực nhất định.

# 4. Thảo luận nhóm

- Xác định mục tiêu thảo luận nhóm rõ ràng
- Giao nhiệm vụ của nhóm một cách cụ thể
- Cung cấp những nguồn lực cần thiết như thời gian, giấy to, bút,...
- Phân nhóm học viên một cách cẩn thận: trưởng nhóm, thư ký, người trình bày,...
- Chỉ rõ cho nhóm biết giảng viên mong đợi gì ở họ
- Khi các nhóm thảo luận, giảng viên cần đi lại hướng dẫn và hỗ trợ khi họ gặp khó khăn
- Trước khi hết giờ khoảng 3 phút nên thông báo
- Sau phần trình bày của mỗi nhóm, cần dành thời gian thảo luận và giảng viên tóm tắt các điểm chính đã đạt được.

# 5. Làm mẫu

- Là một phương pháp trình bày bằng miệng và trực quan trong đó giảng viên giải thích và trình diễn những bước của một nhiệm vụ hay một qui trình mẫu.

# 5. Làm mẫu

- Chuẩn bị bảng kiểm các bước theo trình tự chính xác và các tài liệu liên quan cần thiết (*ví dụ: 06 bước sử dụng bao cao su*)
- Bảo đảm tất cả các phương tiện đều trong tình trạng tốt (*hay mẫu*)
- Sắp xếp các phương tiện theo trình tự sử dụng
- Bảo đảm cho mọi học viên đều có thể nghe được và nhìn được
- Giải thích cho học viên trong khi trình diễn
- Tóm tắt sau khi trình diễn
- Dành thời gian cho một hay nhiều học viên thực hành
- Sắp xếp giám sát tại chỗ trong khi học viên thực hành.

## 6. Nghiên cứu trường hợp

- Học viên xem xét một tình huống thật hoặc giả định để phân tích và giải quyết tình huống này.

# Giai đoạn chuẩn bị

- Xác định mục tiêu và nội dung giảng dạy cụ thể mà thông qua giải quyết tình huống học viên phải đạt được
- Xây dựng tình huống dạy học. Công việc này giống như nhà biên kịch viết kịch bản
- Xác định mức độ khó khăn hoặc trở ngại của tình huống mà học viên phải trải qua
- Chuẩn bị các câu hỏi, các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho việc giải quyết tình huống của học viên
- Lập kế hoạch thực hiện và dự kiến tình huống phát sinh.

# Giai đoạn thực hiện

- Giới thiệu tình huống (giấy, chiếu trên màn hình, băng video...): nêu rõ công việc, mục đích cần đạt
- Tổ chức cho học viên hành động với tình huống (có thể theo cá nhân, theo nhóm hay thảo luận cả lớp).
- Trong khi thực hiện, phải đảm bảo đủ thời gian để học viên hiểu và phân tích tình huống, đưa ra được các giải pháp, phương án giải quyết tình huống,....
- Giảng viên tổng kết, xác nhận kết quả mà học viên thu nhận được thông qua giải quyết tình huống.

# 7. Khác

- Trò chơi
- Bài tập tổng kết
- Đặt câu hỏi

# Bài tập tổng kết (ví dụ)

- Từ sáng đến giờ chúng ta đã học những vấn đề gì?
- Bạn thích gì về ngày học hôm nay?
- Điều gì bạn chưa thích/không thích?
- Bạn có thể áp dụng được điều gì trong công việc của bạn từ bài học hôm nay?
- Điều gì đã cản trở việc học của bạn hôm nay?
- Điều gì bất cứ ai cũng muốn nói trước khi rời lớp?

# Thảo luận số 2

- Theo anh/chị, ưu nhược điểm của từng loại phương pháp dạy học tích cực là gì?

**BIẾN QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO  
THÀNH QUÁ TRÌNH TỰ ĐÀO TẠO**

**Hồ Đắc Di**

**TO TEACH IS TO CAUSE TO LEARN  
(DẠY LÀ TẠO RA HỌC)**

**J a c e t o t**



# ĐẶC ĐIỂM HỌC TẬP Ở NGƯỜI LỚN

# Mục tiêu học tập

- Trình bày được đặc điểm, thuận lợi và khó khăn, các kỹ thuật của học tập ở người lớn
- Giải thích được các lý thuyết học tập ở người lớn
- Phân tích được đặc điểm và các nguyên tắc dạy học cho người lớn

# Đặc điểm học tập của người lớn

- Học tập là một trong số các hoạt mà người lớn phải làm như hoạt động lao động kiếm sống, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái....

- Học tập có tính mục đích rõ ràng, cụ thể và có tính thực dụng cao.

- Mang tính chất tự nguyện. Người lớn chỉ thực sự tham gia học tập khi nào họ thấy cần.
- Luôn so sánh đối chiếu những điều được học, được nghe với những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của bản thân.
-

# **Những thuận lợi, khó khăn trong học tập của người lớn**

# Thuận lợi

- Người lớn **có lòng tự trọng cao.**
- Muốn được đối xử tôn trọng và bình đẳng. Không muốn bị ra lệnh, ép buộc, áp đặt.
- Tự giác học tập mà không cần bảo ban, nhắc nhở nhiều như đối với trẻ em.

- **Tính độc lập và chủ động cao:**

- Muốn được độc lập, chủ động, muốn được tự quyết định mục đích, nội dung học, hình thức học và thời gian học. -> khai thác để phát huy để người lớn độc lập, chủ động trong quá trình học tập, tự mình phát hiện, giải quyết vấn đề, tự đi đến kết luận v.v...

- **Có vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống, sản xuất phong phú.**

- Vốn hiểu biết, kinh nghiệm này có ý nghĩa sâu. Kinh nghiệm là một cái gì đó khẳng định bản thân.
- Vốn kinh nghiệm là những tư liệu thực tế rất có giá trị, có tác dụng giúp quá trình nhận thức nhanh hơn, dễ dàng hơn và nhớ lâu hơn

- Sự chú ý di chuyển chậm, nhưng có khả năng tập trung lâu bền. Tuy nhiên, chú ý chủ định tốt. Tập trung chú ý hàng giờ nếu vấn đề thiết thực, có ý nghĩa.
- Ghi nhớ máy móc bị giảm sút không thể học vẹt tốt như trẻ em, nhưng ghi nhớ ý nghĩa tốt. dễ nhớ và nhớ lâu những gì thiết thực, gần gũi và được vận dụng được.
- Nhìn chung có khả năng giải quyết các vấn đề thực tế tốt.

# Khó khăn

- **Có tính bảo thủ cao.:**

- Kinh nghiệm thường tạo cho người lớn “Cảm giác biết rồi”. -> cản trở tâm lí quan trọng đối với quá trình học tập và nhận thức. Cảm giác này làm cho họ không muốn nghe, không muốn tiếp thu, không muốn đi sâu vào bản chất vấn đề. -> cản trở quá trình tiếp thu cái mới, khoa học hơn.
- Không dễ học những gì do người khác áp đặt khi bản thân chưa hiểu, khi chưa thấy cái sai, chưa chính xác, chưa đầy đủ trong nhận thức và kinh nghiệm trước đây của mình.

- **Dễ mệt mỏi và tư tưởng dễ bị phân tán:**

- Trẻ em hoàn toàn tập trung vào việc học, còn người lớn **vừa học, vừa làm, vừa lo công việc gia đình, con cái v.v...** -> khi đến lớp học nhưng vẫn phải lo lắng nhiều công việc - công việc làm ăn, kiếm sống, công việc gia đình, con cái v.v...

- Tốc độ phản ứng, khả năng nghe nhìn, vận động, chú ý, ghi nhớ ... của nhìn chung bị giảm sút.

# Một số lý thuyết học tập của người lớn:

Malcolm Knowles và lý thuyết **Andragogy: người lớn:**

- Cần biết tại sao nên học một thứ gì đó.
- Cần động lực bên trong.
- Muốn biết việc học sẽ giúp mình cụ thể như thế nào.
- Mang lại kiến thức và kinh nghiệm trước đó tạo nền tảng cho việc học.
- Tự định hướng và muốn phụ trách hành trình học tập của mình.
- Nhận thấy sự phù hợp nhất từ việc học tập theo định hướng nhiệm vụ phù hợp với thực tế của chính mình

# Học tập chuyển đổi.(Jack Mezirow )

- Tập trung vào việc **thay đổi cách người học nghĩ** về thế giới xung quanh và cách họ nghĩ về bản thân.

# Tự nghiên cứu (Alan Tough )

- Là quá trình mà các cá nhân chủ động trong việc học của họ — họ lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kinh nghiệm học tập của mình mà không cần sự trợ giúp của người khác.

# Học tập kinh nghiệm.(David Kolb)

- Lý thuyết học tập trải nghiệm tập trung vào ý tưởng rằng người lớn được định hình bởi trải nghiệm của họ và rằng cách học tốt nhất đến từ việc hiểu rõ những trải nghiệm của bạn. Thay vì ghi nhớ các sự kiện và số liệu, học tập trải nghiệm là một phong cách học tập thực hành nhiều hơn. Người lớn học có thể sử dụng lý thuyết này và học bằng cách làm, thay vì chỉ nghe hoặc đọc về một cái gì đó. Nhập vai, thực hành trải nghiệm và hơn thế nữa đều là một phần của học tập trải nghiệm.

# Học tập dựa trên dự án (John Dewey)

- Học tập dựa trên dự án (đôi khi được gọi là học tập dựa trên vấn đề): Thay vì đọc hoặc nghe về nó. Học tập dựa trên dự án sử dụng các tình huống trong thế giới thực và tạo ra các dự án cho học viên mà họ có thể gặp phải trong công việc trong tương lai. Học viên có thể chọn các dự án của riêng mình và theo đuổi những thứ họ quan tâm, đây là một lựa chọn tuyệt vời cho những người học trưởng thành, những người cần các ứng dụng trong thế giới thực từ việc học của họ.

# Kỹ thuật học tập của người lớn.

- **Đặt mục tiêu.**
- Những người học trưởng thành cần đặt ra được những mục tiêu cho việc học của mình

- **Quyết định lý do tại sao của họ.**
- Biết lý do tại sao họ muốn theo đuổi giáo dục sẽ giúp người học cảm thấy tự tin về quá trình học tập của họ.
- Hiểu được lý do tại sao các khóa học khác nhau sẽ giúp họ đạt được mục tiêu có thể đảm bảo rằng họ luôn có động lực.

- **Xem lại thông tin thường xuyên.** người học trưởng thành cần sẵn sàng xem lại tài liệu của họ thường xuyên hơn để giúp cho quá trình hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời mới

- **Tìm kinh nghiệm để giúp học tập thuận lợi.**

Tìm kiếm công việc thực tập, cơ hội việc làm, dự án và các cơ hội kinh nghiệm khác có thể giúp nắm chắc hơn việc học của mình

# **Phong cách học tập của người lớn:**

- **Phân loại phong cách học dựa vào tính cách của học viên**
  - Mô hình thụ động
  - Mô hình hợp tác
  - Mô hình độc lập

# Phân loại phong cách dựa vào cách tiếp cận của học viên

- Dựa vào cách tiếp cận vấn đề của học viên người ta chia ra bốn loại phong cách học khác nhau, đó là:
  - 1) Học qua trải nghiệm;
  - 2) Học qua quan sát;
  - 3) Học qua thực hành
  - 4) học qua suy ngẫm.

## **2. Đặc điểm dạy học ở người lớn**

## 2. Đặc điểm dạy học ở người lớn

- Dạy học người lớn không thể nằm ngoài xu thế đổi mới quan niệm dạy học hiện nay:
  - Tự động->dạy học tích cực
  - Dạy học áp đặt-> dạy học theo nhu cầu

- Xuất phát từ xu thế đổi mới quan niệm dạy học nói chung, từ đặc điểm của HV người lớn, từ bản chất học tập của người lớn, dạy học người lớn không thể chấp nhận kiểu dạy học truyền thụ một chiều, kiểu dạy học thụ động, áp đặt.
- Dạy học người lớn phải tôn trọng người học với tư cách là người lớn.

- Dạy học người lớn phải xuất phát từ tới nhu cầu của người học. Dạy học người lớn không thể áp đặt. Dạy học người lớn phải giúp người lớn giải quyết các vấn đề, tình huống nảy sinh trong cuộc sống và sản xuất của họ;

- Dạy học người lớn phải phát huy tính tích cực, chủ động của người lớn, tạo điều kiện cho người lớn được tham gia nhiều hơn, được hoạt động nhiều hơn, được tự khám phá, tự phát hiện vấn đề, tự giải quyết vấn đề, tất nhiên dưới sự hướng dẫn, gợi ý của GV.

- Dạy học người lớn phải coi trọng vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của người lớn. Dạy học người lớn phải giúp người lớn gắn kiến thức mới với những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của mình, phải giúp người lớn thấy được cái sai, cái chưa chính xác, chưa đầy đủ trong kinh nghiệm, hiểu biết trước đây của mình.

- Dạy học người lớn phải chú ý tăng cường giao lưu, hợp tác giữa GV-HV, giữa HV với nhau, tạo điều kiện cho người lớn được trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

# XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU HỌC TẬP

# **MỤC TIÊU HỌC TẬP**

- 1. Trình bày được định nghĩa và tầm quan trọng của mục tiêu học tập.**
- 2. Diễn giải được thành phần và phẩm chất của một mục tiêu chuyên biệt.**
- 3. Viết được mục tiêu học tập của một bài thuộc chuyên ngành của mình.**

# **KHÁI NIỆM DẠY-HỌC THEO MỤC TIÊU**

## **Dạy-học theo (dựa trên) mục tiêu (Learning Objective Based Teaching)**

Toàn bộ quá trình dạy-học được thiết kế căn cứ vào (dựa trên) những mục tiêu cụ thể mà người học phải đạt được khi học xong.

# **DẠY-HỌC DỰA TRÊN NĂNG LỰC**

## **(Competancy Based Teaching)**

- Căn cứ vào (dựa trên) các năng lực cần phải có khi kết thúc quá trình đào tạo để thiết kế chương trình, xác định nội dung và phương pháp dạy-học.
- Để có một năng lực (thực hiện một nhiệm vụ cụ thể) người học phải đạt được một nhóm mục tiêu bao gồm cả kiến thức, kỹ năng và thái độ.

# MỐI QUAN HỆ GIỮA DẠY-HỌC TÍCH CỰC DẠY-HỌC THEO MỤC TIÊU VÀ DẠY-HỌC DỰA TRÊN NĂNG LỰC

DẠY-HỌC TÍCH CỰC:

Thầy hướng dẫn, hỗ trợ, khích lệ trò tích cực chủ động đạt được **mục tiêu học tập** đã xác định.

DẠY-HỌC THEO MỤC TIÊU:

Dạy-học theo **mục tiêu học tập** đã xác định..

DẠY-HỌC DỰA TRÊN NĂNG LỰC:

Dạy-học các năng lực cần phải có = Dạy-học các nhóm **mục tiêu học tập** đáp ứng năng lực.

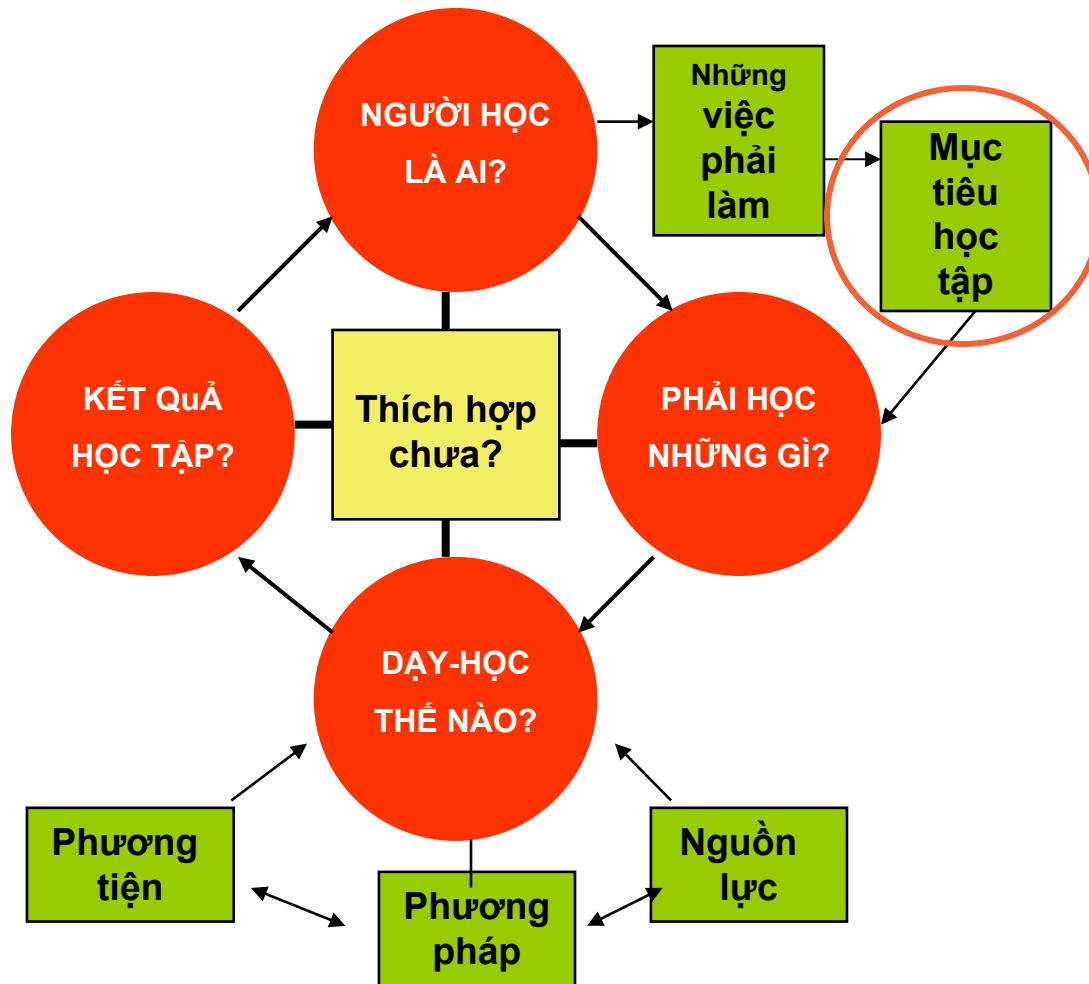
# **ĐỊNH NGHĨA MỤC TIÊU HỌC TẬP**

**Mục tiêu học tập (learning objective) là những nhiệm vụ cụ thể mà người học phải làm được khi kết thúc một giai đoạn học tập.**

- Là những gì một đối tượng đào tạo phải đạt được khi học xong.
- Là điều mà cả thầy và trò cùng hướng tới.

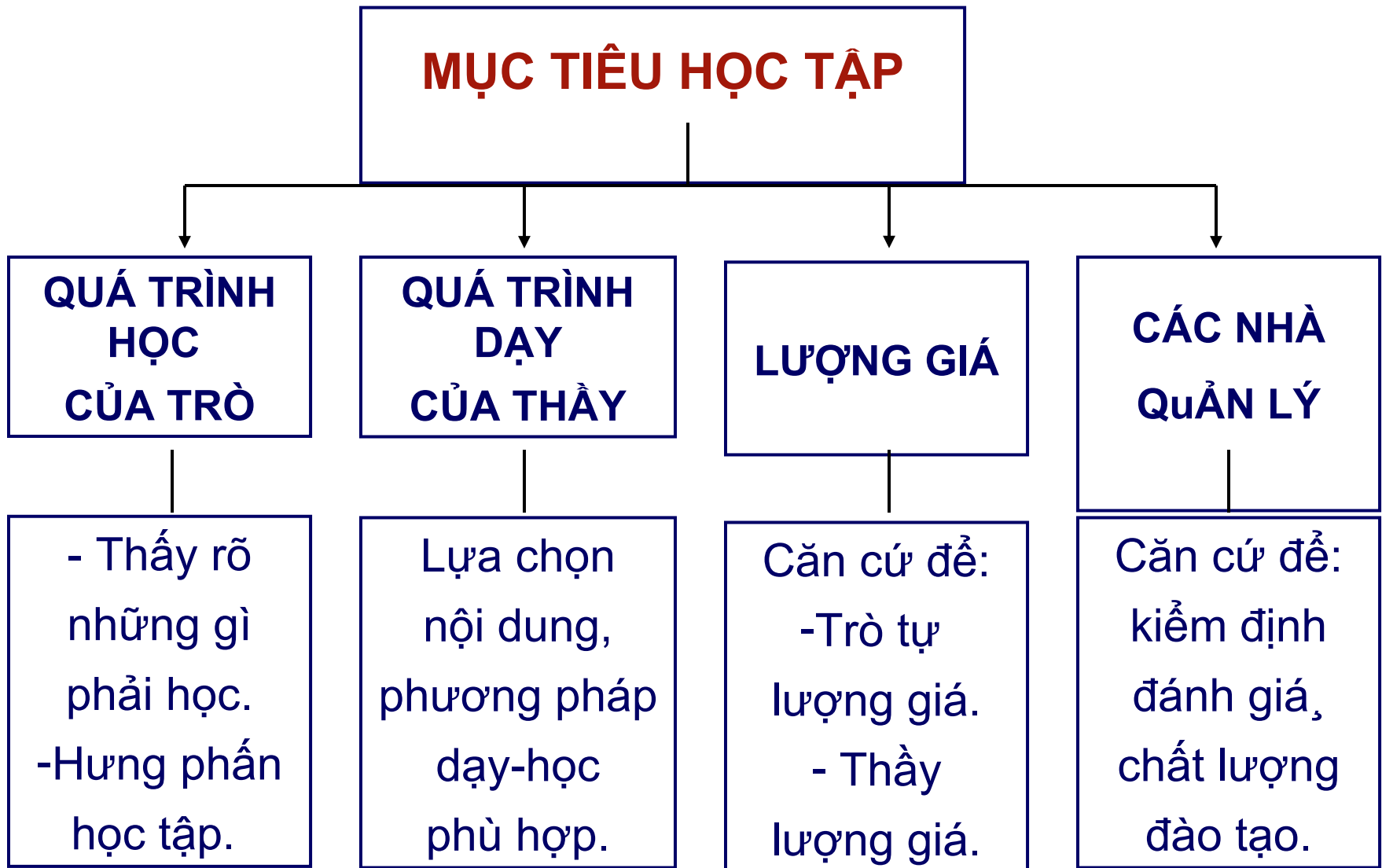
# MỤC TIÊU HỌC TẬP TRONG QUI TRÌNH DẠY-HỌC

(Theo cấu trúc qui trình dạy-học của Kemp)

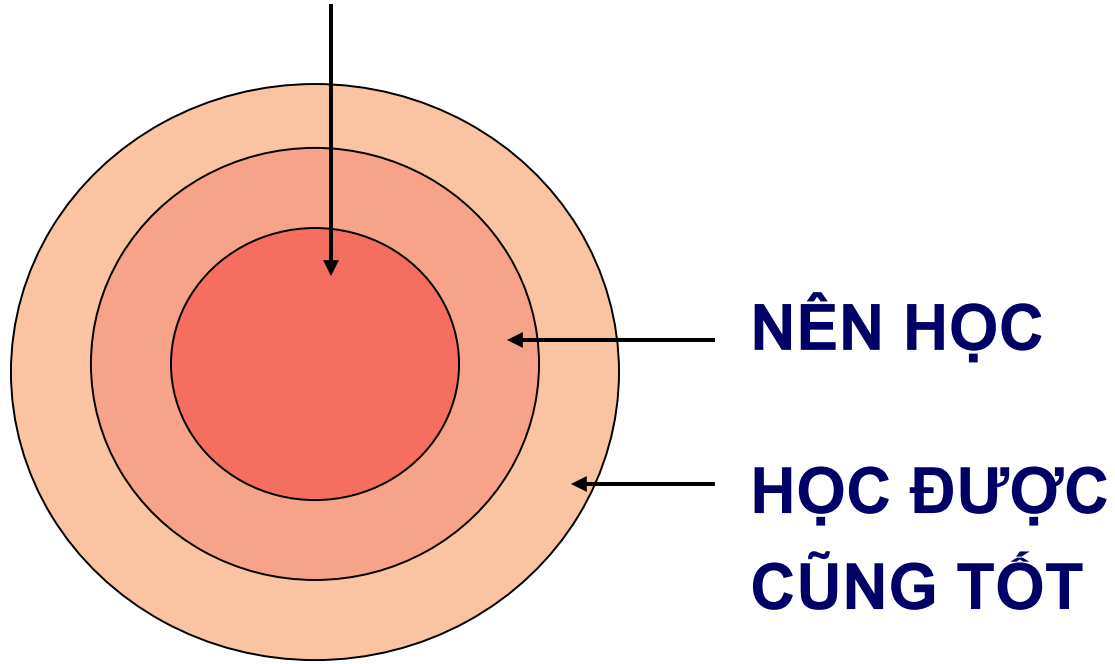




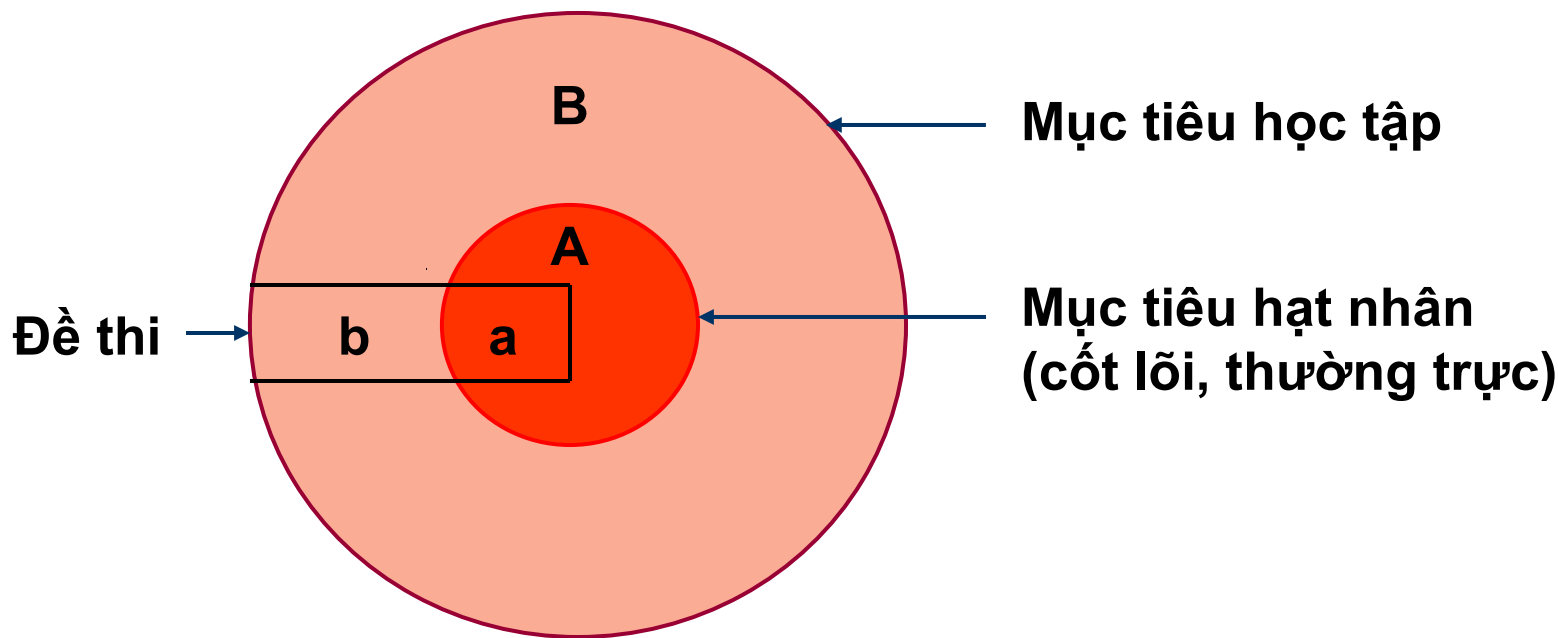
# TẦM QUAN TRỌNG CỦA MỤC TIÊU HỌC TẬP



**MTHT = PHẢI HỌC**



# MỤC TIÊU HỌC TẬP HẠT NHÂN

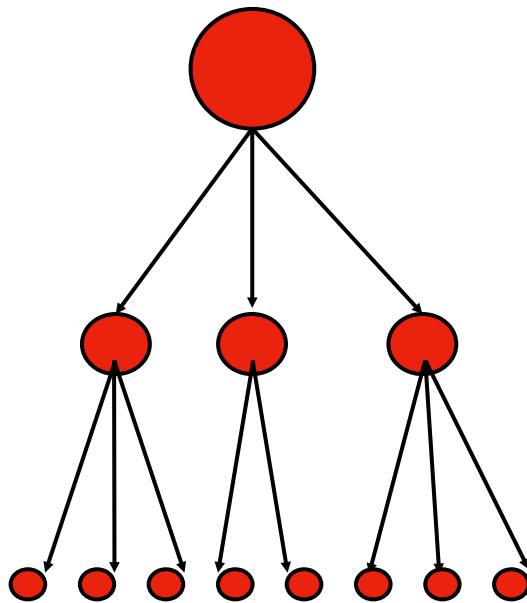


$$\text{Mục tiêu học tập} = A + B$$

$$\text{Đề thi} = a + b \quad (a/A \gg b/B)$$

# PHÂN LOẠI MỤC TIÊU HỌC TẬP THEO CẤP ĐỘ

Chia 3 loại từ lớn đến nhỏ:

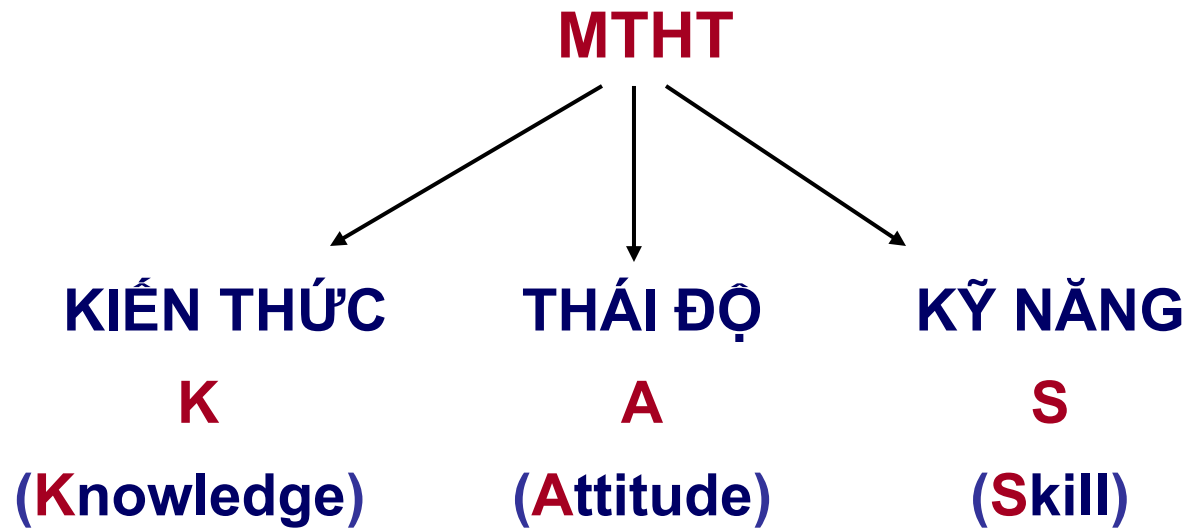


**MT. TỔNG QUÁT**  
(khóa học)

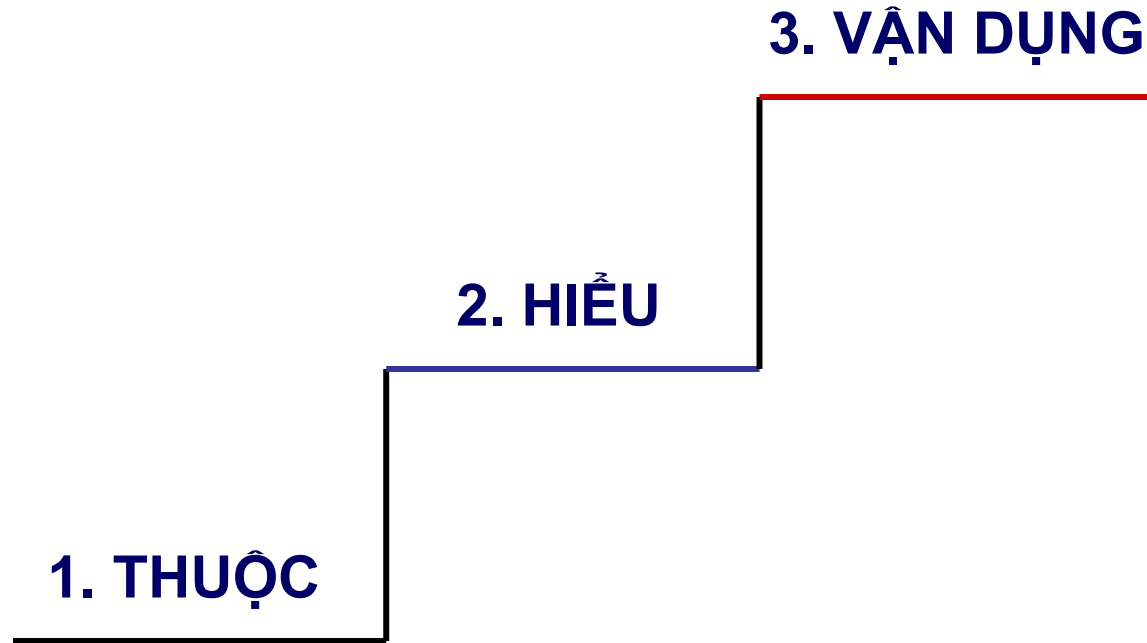
**MT. TRUNG GIAN**  
(môn học / học phần)

**MT. CHUYÊN BIỆT**  
(bài học)

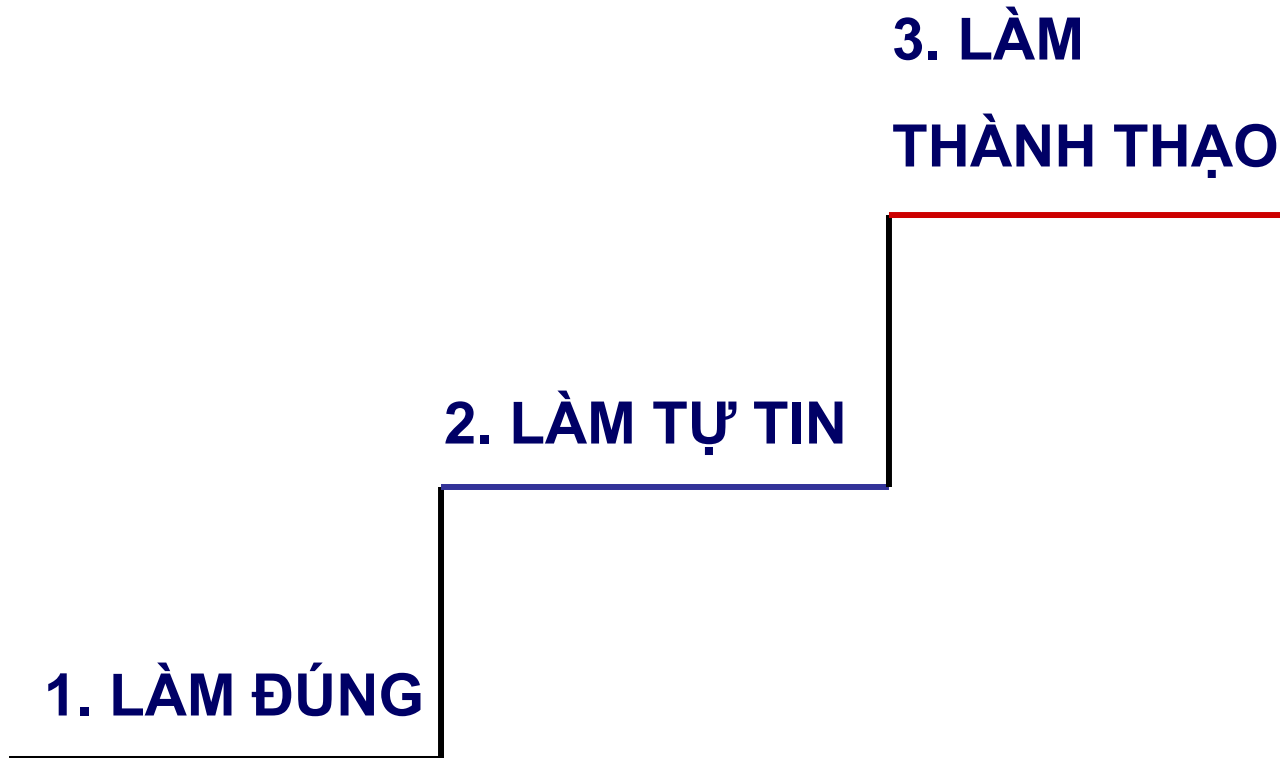
# PHÂN LOẠI MỤC TIÊU HỌC TẬP THEO LĨNH VỰC



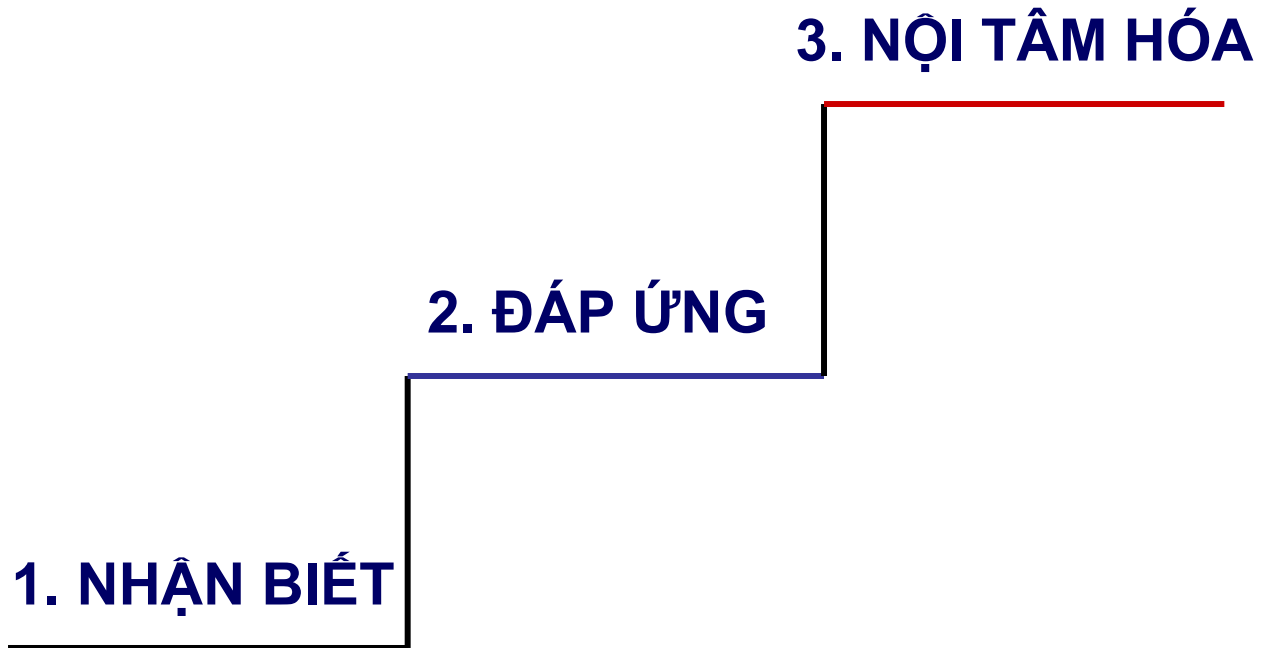
# **BA MỨC ĐỘ CỦA MỤC TIÊU KIẾN THỨC**



# **BA MỨC ĐỘ CỦA MỤC TIÊU KỸ NĂNG**



# **BA MỨC ĐỘ CỦA MỤC TIÊU THÁI ĐỘ**



# **CÁC THÀNH PHẦN CẤU TRÚC CỦA MỘT MỤC TIÊU CHUYÊN BIỆT**

**1. Động từ hành động.**

**2. Nội dung hành động.**

**3. Điều kiện thực hiện.**

**4. Tiêu chuẩn phải đạt.**

# **CÁC PHẨM CHẤT CỦA MỘT MỤC TIÊU CHUYÊN BIỆT**

1. Sát hợp.
2. Logic.
3. Chính xác.
4. Thực hiện  
được.
5. Quan sát được
6. Đo lường được

# **BÀI TẬP SỐ 02**

## **VIẾT MỤC TIÊU HỌC TẬP MỘT BÀI**

**Tên môn học / Tên lớp tập huấn:**

**Tên bài:**

**Bài LT/TH/LT+TH:**

**Thời gian (số tiết):**

**Đối tượng:                      Số lượng:**

**Người soạn:**

**Mục tiêu học tập:**

**1.**

**2.**

**.....**

# **DẠY HỌC BẰNG THẢO LUẬN NHÓM**

(small group discussion)

# MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Liệt kê các trường hợp sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để dạy-học.
2. Nêu được các bước tiến hành thảo luận nhóm
3. Phân tích các loại câu hỏi sử dụng trong TLN.
4. Ứng dụng được phương pháp thảo luận nhóm trong dạy-học cho cán bộ Y tế tại cơ sở.

# 1. KHÁI NIỆM

- Dạy-học bằng phương pháp thảo luận nhóm là quá trình thầy hướng dẫn **một nhóm học viên** thảo luận **một chủ đề cụ thể** để đưa ra giải pháp, quyết định, kết luận hoặc khuyến nghị, qua đó giúp học viên đạt được mục tiêu học tập.
- Là phương pháp cơ bản, được sử dụng nhiều trong dạy-học tích cực.

## **CÁC TRƯỜNG HỢP CÓ THỂ DẠY-HỌC BẰNG THẢO LUẬN NHÓM**

1. Rèn luyện kỹ năng tư duy sử dụng kiến thức:
  - Tìm giải pháp giải quyết một vấn đề.
  - Ra quyết định, khuyến nghị trước một tình huống.
  - Giải thích một sự việc, hiện tượng.
2. Thảo luận những điểm cần lưu ý khi thực hành.
3. Bàn luận về một tình huống giao tiếp, ứng xử.
4. Xây dựng kế hoạch thực hiện một nhiệm vụ.

## **GHI NHỚ !**

- Không dùng thảo luận nhóm để học thuộc bài.
- Không tạo được kỹ năng thực hành bằng thảo luận nhóm.
- Không tạo được kỹ năng giao tiếp bằng thảo luận nhóm.

## **NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN ĐỂ DẠY-HỌC BẰNG THẢO LUẬN NHÓM**

1. Trò: Đã có kiến thức (đã được lên lớp hoặc được hướng dẫn tự học).
2. Thầy: Kiến thức vững vàng, có kỹ năng hướng dẫn thảo luận.
3. Nhóm nhỏ.

# Dạy-học bằng TLN



Ai là người tham gia thảo luận nhóm

## **2. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN DẠY-HỌC BẰNG THẢO LUẬN NHÓM**

- 1. SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC.**
- 2. THỰC HIỆN BUỔI THẢO LUẬN NHÓM.**

# 1. SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC

- Chọn chủ đề.
- Xác định mục tiêu của bài thảo luận.
- Phân bố thời gian cho buổi thảo luận.
- Liệt kê những điểm mấu chốt (nội dung chủ yếu) của buổi thảo luận.
- Dự kiến các câu hỏi để dẫn dắt.

## 2. THỰC HIỆN BUỔI THẢO LUẬN NHÓM

1. Thiết lập nhóm (6-8 người)
2. Sắp xếp chỗ ngồi và làm quen.
3. Cử trưởng nhóm, thư ký và trình bày.
4. Nêu chủ đề, mục tiêu, thời gian thảo luận.
5. Chuẩn bị phương tiện
6. Hướng dẫn thảo luận theo kế hoạch.
7. Tóm tắt ý kiến và chuẩn bị trình bày
8. Trình bày kết quả
9. Nhận xét và phản hồi.

# Nguyên tắc thảo luận nhóm

- Mọi người đều có cơ hội đóng góp ý kiến
- Không có ý kiến đúng sai
- Thư ký cần ghi chép tất cả các ý kiến trong nhóm
- Chia sẻ tối đa hiểu biết
- Không thảo luận nhóm cá nhân
- Không nghe điện thoại di động

## **MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý**

### **KHI HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM**

- Câu hỏi ảnh hưởng lớn đến không khí buổi thảo luận nhóm.
- Sau khi hỏi phải có thời gian cho học viên suy nghĩ trước khi mời người phát biểu.
- Chú ý đến cá tính học viên để điều hòa phát biểu ý kiến.
- Bám sát kế hoạch nhưng không cứng nhắc.

# Nên làm.....

- Người điều hành tạo cơ hội cho tất cả nêu ý kiến quan điểm
- Người điều hành nên có thái độ trung lập, không đưa ra ý kiến cá nhân
- Để từng người phát biểu: Tôn trọng mọi ý kiến
- Động viên, khích lệ mọi người thảo luận
- Tập trung vào vấn đề đã chuẩn bị tránh lạc đề
- Dùng từ ngữ thông thường, hình ảnh minh họa
- Tóm tắt ý kiến trước khi chuyển câu hỏi khác.

# Không nên làm.....

- Lan man
- Trùng lặp
- Một số người lấn át một số người khác
- Căng thẳng do các ý kiến bất hoà
- Phê phán, chỉ trích lẫn nhau
- Người hướng dẫn nói nhiều
- Phân bố thời gian giữa các câu hỏi không cân đối
- Quá dài: chỉ nên 30 phút/chủ đề

# Thảo luận số 3

- Đặt các câu hỏi về giảng viên?

# Bài tập

- Liệt kê các chủ đề có thể dạy-học bằng thảo luận nhóm?

**DẠY HỌC BẰNG**  
**PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH**  
(presentation)

## MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Trình bày được các bước cơ bản trong chuẩn bị bài thuyết trình
2. Liệt kê những hoạt động nên làm khi thuyết trình
3. Áp dụng tốt phương pháp thuyết trình trong giảng dạy cho cán bộ Y tế tại cơ sở.

# 1. Các bước chuẩn bị

- 1) chuẩn bị bài thuyết trình;
- 2) thực hiện thuyết trình;
- 3) kết thúc bài thuyết trình.

# Chuẩn bị bài trình bày

## 1. Xác định đối tượng

- Ai sẽ đến dự?
- Bao nhiêu người sẽ đến dự?

# Chuẩn bị bài trình bày

## 2. Nội dung

- Xác định rõ mục đích của buổi thuyết trình (*thông tin đầu*)
- Xác định những điểm chính mà bạn mong muốn người nghe khi ra về sẽ nắm bắt được (*thông tin cuối*)
- Xây dựng dàn bài thuyết trình 1 cách logic nhất, thường có đủ 3 phần và 3 bước:
- Xác định thời lượng trình bày

# Chuẩn bị bài trình bày

<b>3 phần</b>	<b>3 bước</b>
<b>giới thiệu</b>	<b>động não (tìm ý)</b>
<b>nội dung</b>	<b>chọn ý</b>
<b>kết luận</b>	<b>sắp xếp ý</b>

# Chuẩn bị bài trình bày

## 3. Hình thức

- Địa điểm
- Thiết bị hỗ trợ

# Chuẩn bị bài trình bày

## 4. Tập luyện

- Giọng nói
- Ừng khẩu
- Cử chỉ

# 2. Trình bày

## 1. Mở đầu:

- Đưa ra một thông báo hoặc thống kê
- Hãy bông đùa một chút
- Đưa ra những trích dẫn phù hợp
- Thuật lại một câu chuyện có liên quan

## 2. Phần chính:

- Ngôn ngữ nói
- Ngôn ngữ cơ thể
- Phương tiện hỗ trợ
- Giao lưu học viên
- Giải quyết câu hỏi
- Tư thế trình bày

# 3. Kết thúc

- Tóm tắt những ý chính
- Đưa ra thách đố hay lời kêu gọi cho học viên
- Cung cấp những tài liệu tham khảo thích hợp

# Bài tập số 5

- Soạn một chủ đề dạy-học bằng PP thuyết trình trong 30 phút?

# THUYẾT TRÌNH

- 1. Ngôn ngữ nói:** lưu loát, nhấn mạnh, tự nhiên, rõ ràng, dễ hiểu, hài hước
- 2. Ngôn ngữ không lời:** ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, dáng đi
- 3. Sử dụng phương tiện:** đủ lớn, dễ nhìn, đơn giản, dễ hiểu
- 4. Giao lưu với học viên:** đặt câu hỏi, xử lý nhanh, tránh lạc đề
- 5. Tư thế:** tự tin, tránh lo lắng, thoải mái, nhiệt tình, trang phục phù hợp

DẠY HỌC BẰNG BẢNG KIỂM

# Mục tiêu học tập

- Trình bày được khái niệm, các bước, những điểm cần chú ý của từng bước khi xây dựng bảng kiểm
- Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa của từng nội dung trong cấu trúc bảng kiểm
- Xác định được nội dung trong lĩnh vực chuyên ngành của mình có thể áp dụng phương pháp dạy-học bằng bảng kiểm
- Viết được 1 bảng kiểm có đủ các tiêu chuẩn chính để dạy học

# 1. Khái niệm

- Bảng kiểm để dạy học là một bảng liệt kê các bước tiến hành của một kỹ năng theo một trình tự hợp lý và yêu cầu phải đạt được để thực hiện một quy trình kỹ thuật, một công việc, một nhiệm vụ, dạy học theo bảng kiểm dùng để dạy thực hành các kỹ năng.

## 2. Các bước xây dựng bảng kiểm

1. Xác định tên của bảng kiểm
2. Phân tích công việc, nhiệm vụ thành các hành động – thao tác:
3. Phân chia công việc, nhiệm vụ thành các bước
4. Nêu ý nghĩa của mỗi thao tác
5. Xác định yêu cầu (tiêu chuẩn) phải đạt của mỗi thao tác

# 1. Xác định tên của bảng kiểm

- Tên của bảng kiểm chính là tên của một kỹ năng, công việc, nhiệm vụ... mà người học phải học; tên bảng kiểm cần viết rõ ràng nhưng ngắn gọn

## **2. Phân tích công việc, nhiệm vụ thành các hành động – thao tác:**

- Phân tích, mô tả công việc, nhiệm vụ... thành các thao tác phải thực hiện.
- Nên dựa vào tài liệu dạy học hoặc quy trình kỹ thuật chuẩn mực để mô tả.

# Cần kiểm tra xem:

- Việc mô tả có chung chung quá không?
- Còn sót thao tác nào không?
- Có quá chi tiết vụn vặt không?
- Có thao tác nào không cần thiết phải đưa vào bảng kiểm không?

# Nguyên tắc

- Các thao tác không quá tóm tắt, không sót những thao tác cần thiết nhưng không quá vụn vặt.
- Tùy theo đối tượng, trình độ người học mà quyết định đưa vào bảng kiểm những thao tác chi tiết đến mức độ nào là thích hợp.
- Bảng kiểm để dạy học chi tiết hơn quy trình thực hiện trong thực tế

### **3) Phân chia công việc, nhiệm vụ thành các bước**

- Có những công việc, quy trình đơn giản, hoặc ít thao tác có thể không cần chia thành các bước. Nhưng với các quy trình phức tạp hoặc gồm nhiều thao tác, cần phân thành các bước để dễ thực hiện, dễ theo dõi trong khi dạy học.
- Các bước được sắp xếp theo trình tự hợp lý.
- Trong mỗi bước, các thao tác cũng sắp xếp theo thứ tự chặt chẽ, đúng quy trình kỹ thuật.

- Không nên chia quá nhiều bước trong một bảng kiểm, vì như vậy sẽ trở nên cồng kềnh; nhưng cũng không nên ghép quá nhiều thao tác vào một bước, vì khó theo dõi và làm cho người học có thể nhầm lẫn trình tự giữa các thao tác.

- Với các công việc, quy trình phức tạp có rất nhiều thao tác, cũng có thể sử dụng bảng kiểm để dạy học; nhưng cần chia thành các giai đoạn, mỗi giai đoạn nên xây dựng thành một bảng kiểm riêng và đánh số thứ tự liên tục theo quy trình của công việc đó.

# 4. **Nêu ý nghĩa của mỗi thao tác**

- Sau khi đã xác định các bước, các thao tác của mỗi bước theo trình tự hợp lý để đưa vào bảng kiểm, cần nêu ý nghĩa của mỗi thao tác.

# 5. Xác định yêu cầu (tiêu chuẩn) phải đạt của mỗi thao tác

- Mỗi thao tác cần nêu tiêu chuẩn phải đạt để người học cố gắng làm cho được, đồng thời tạo thuận lợi cho người học tự đánh giá kết quả thực tập và khả năng hoàn thành nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp.

# 3. Cấu trúc bảng kiểm

- Phần đầu
  - Tên khoa, bộ môn.
  - Tên bảng kiểm.
  - Đối tượng học tập.
  - Thời gian thực hành.
  - Địa điểm thực hành (nếu cần).

- Lập bảng. Mỗi bảng thường có một số cột sau:
  - Cột thứ nhất – số thứ tự;
  - Cột thứ hai – viết tên các bước, các thao tác; viết rõ ràng ngắn gọn, không cần giải thích người học vẫn hiểu, viết theo trình tự hợp lý;
  - Cột thứ ba – viết ý nghĩa của thao tác; viết cô đọng nhưng dễ hiểu.
  - Cột thứ tư – viết tiêu chuẩn phải đạt. Viết rất gọn nhưng đủ ý. Phần này rất quan trọng vì để người học dựa vào tiêu chuẩn mà làm và để tự đánh giá xem mình làm đạt đến mức độ nào.

# Yêu cầu:

- Cột thứ hai – viết tên các bước, các thao tác. Cần:
  - Rõ ràng ngắn gọn, không cần giải thích người học vẫn hiểu
  - Theo trình tự hợp lý

# Yêu cầu:

- Cột thứ ba – viết ý nghĩa của thao tác. Cần:
  - Viết cô đọng nhưng dễ hiểu.
- Cột thứ tư – viết tiêu chuẩn phải đạt. Cần
  - Viết rất gọn nhưng đủ ý.
  - Người học có thể tự đánh giá xem mình làm đạt đến mức độ nào.

# Chú ý:

- Không nhất thiết mọi bảng kiểm đều phải có 4 cột như trên. Với đối tượng mới học, trình độ người học thấp nên có đầy đủ 4 cột. Với đối tượng cao hơn có thể không cần cột 3 (ý nghĩa của thao tác) – coi như người học đã học, đã biết.
- Do mục đích khác nhau nên bảng kiểm để dạy học và bảng kiểm để đánh giá người học có những điểm khác nhau về xây dựng và nhất là khung cấu trúc; bảng kiểm để dạy học không có thang điểm – bậc để đánh giá.

# 4. Sử dụng bảng kiểm để dạy học

- **Chuẩn bị**

- Chọn kỹ năng thích hợp (thuộc nội dung bài thực hành có thể dạy học bằng bảng kiểm)
- Chuẩn bị các điều kiện thực hành
- Viết mục tiêu thực hành
- Viết bảng kiểm
- Nên viết bảng kiểm vào khổ giấy rộng để treo tại nơi thực hành trong phòng thực tập, phòng thí nghiệm
- In bảng kiểm để tại bàn nơi người học thực tập (nên làm như vậy), có thể phát cho người học để đọc trước ở nhà nếu bảng kiểm chưa có trong tài liệu thực hành.

## 2. Triển khai dạy học bằng bảng kiểm

- Trình bày mục tiêu thực hành (mục tiêu học tập), nội dung thực hành...
- Giới thiệu quy trình thực hành thông qua bảng kiểm
- Làm mẫu theo bảng kiểm, vừa làm vừa giải thích; người học quan sát giảng viên làm
- Thảo luận, giải đáp sau khi làm mẫu và quan sát

- Người học thực hành theo hướng dẫn của bảng kiểm; giảng viên quan sát, uốn nắn... Nếu cần có thể làm mẫu lại (tất cả các thao tác hoặc những thao tác khó), thường các thao tác khó giảng viên cần làm đi làm lại một số lần (nếu có thể được) để người học quan sát được kỹ và có thể tự làm
- Khi người học tự thực hành, giảng viên có thể tiếp tục quan sát hoặc không, tùy thuộc vào từng quy trình kỹ thuật, điều kiện cụ thể. Khi thực hành thao tác kỹ thuật trong phòng thí nghiệm thì có thể có lúc không cần giảng viên, nhưng với thủ thuật, kỹ thuật thực hiện trên người (với ngành y) thì nên luôn luôn có giảng viên bên cạnh người học khi họ thực hành.
- Cuối buổi thực hành: nhận xét, thảo luận, tự đánh giá hoặc đánh giá theo bảng kiểm vừa thực hành.

# 5. Ưu điểm, nhược điểm

## •1) Ưu điểm

- Có thể áp dụng rộng rãi để dạy học thực hành tại giảng đường chuyên dùng; ở phòng thí nghiệm hoặc ở thực địa (dạy kỹ năng thao tác, với các kỹ năng không quá đơn giản hoặc không quá phức tạp)...
- Dễ thống nhất giữa các giảng viên về nội dung dạy học thực hành
- Thuận tiện khi chuẩn bị phương tiện và hướng dẫn thực hành.
- Người học có thể dùng bảng kiểm để tự học, tự kiểm tra sau khi đã được quan sát giảng viên làm thị phạm và hướng dẫn.
- Cung cấp các thông tin phản hồi một cách kịp thời cho giảng viên và người học.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá kỹ năng bằng bảng kiểm.

## 2. Nhược điểm

- Chỉ chủ yếu dùng để dạy học kỹ năng thực hành bằng tay; ít tác dụng trong dạy học kỹ năng giao tiếp; không thể dùng để dạy kỹ năng tư duy.
- Rất khó hoặc không thể dạy học các kỹ năng kỹ thuật phức tạp, các thủ thuật khó và diễn ra nhanh chóng.

**DẠY HỌC BẰNG PHƯƠNG PHÁP  
ĐÓNG VAI**  
(role play)

## MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Phân tích được lợi ích và điều kiện áp dụng của phương pháp dạy học bằng đóng vai
2. Áp dụng được phương pháp đóng vai trong giảng dạy cho cán bộ Y tế tại cơ sở.

# 1. Tại sao?

- Do thiếu trường hợp /thiếu thời gian tiếp xúc với người bệnh
- Không có điều kiện thực hành ở Y tế
- Giúp học viên học và thực hành về kỹ năng giao tiếp
- Giúp thực hành về thái độ đối với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, với đồng nghiệp,...

## 2. Khái niệm

- Dạy học dựa trên việc giao một nhiệm vụ cụ thể cho học viên thông qua đóng vai.
- Duy nhất để dạy-học cụ thể về thái độ (đối với bệnh nhân hay người nhà bệnh nhân)
- Rất hữu ích để dạy kỹ năng giao tiếp.
- **Lưu ý** không dùng đóng vai để tạo ra các tình huống lâm sàng (để học khám, tìm triệu chứng hay tập chẩn đoán,...).

# 3. Điều kiện

- Các học viên được chuẩn bị trước về kiến thức
- Nhóm học viên không quá đông (15 người)
- Có điều kiện kê lại bàn ghế để tạo không khí cho buổi đóng vai, tạo điều kiện cho cử tọa theo dõi được tốt
- Giảng viên phải chuẩn bị trước về buổi đóng vai và viết quy trình thực hiện đóng vai đầy đủ
- Giảng viên phải có mặt, theo dõi, ghi chép đầy đủ để hướng dẫn thảo luận và tổng kết những điều đã học được qua buổi đóng vai

# 4. Cách tiến hành

1. Nêu chủ đề đóng vai
2. Xác định mục tiêu đóng vai
3. Lập kế hoạch về tình huống và các vai đóng
4. Giao nhiệm vụ cụ thể cho học viên (người đóng các vai và người quan sát)
5. Cho học viên thực hiện đóng vai
6. Giảng viên hướng dẫn học viên thảo luận sau khi đóng vai kết thúc
7. Tóm tắt, tổng kết những điều đã học được (theo đúng mục tiêu học tập)

# 5. Ứng dụng

- Dạy thái độ (đối xử với người bệnh)
- Dạy kỹ năng giao tiếp (ví dụ kỹ năng tư vấn cho bệnh nhân)

## 6. Đóng vai và đóng kịch?

- Có tình huống
- Có vai diễn
- Đóng giả tình huống có sẵn

# 6. Đóng vai và đóng kịch?

<b>Nội dung</b>	<b>Đóng kịch</b>	<b>Đóng vai</b>
<b>Mục tiêu</b>	Diễn viên	Người đóng vai Người quan sát
<b>Kịch bản</b>	Chặt chẽ	Không (tình huống)
<b>Vai diễn</b>	Trung thành với kịch bản	Sáng tạo (đạt mục tiêu học tập)
<b>Người xem</b>	Tự do	Có nhiệm vụ
<b>Thảo luận</b>	Không	Phải có

# 7. Lợi ích

- Học cách ứng xử thích hợp
- Học cách giải thích, thuyết phục
- Học cách ra quyết định
- Học cách đảm đương nhiệm vụ

# 8. Vai trò của thầy?

- Chọn chủ đề thích hợp
- Xác định mục tiêu học tập
- Nêu tình huống đóng vai
- Giao nhiệm vụ cho từng vai, người quan sát
- Theo dõi đóng vai
- Hướng dẫn thảo luận sau đóng vai
- Tổng kết (nhận xét từng vai, nhận xét người quan sát, có đạt mục tiêu hay không và chốt lại mục tiêu học tập)

# Phản hồi

- Từng người đóng vai tự nhận xét những điểm đã làm tốt trong vai đóng
- Nhóm quan sát nêu lên những điểm tốt đã làm được
- Các học viên nêu lên những điểm có thể làm khác đi và đem lại hiệu quả cao hơn trong tình huống
- Người quan sát bình luận và đưa ra những cách có thể làm khác đi như thế nào để có hiệu quả cao hơn
- Hỏi học viên xem họ nghĩ thế nào về những lời bình luận của nhóm quan sát

# Ngôn ngữ không lời

- Ánh mắt
- Tư thế: đi, đứng, ngồi (tự tin/lo lắng)
- Động tác: tay, chân (giận dữ/lo âu...)
- Nét mặt: buồn, giận dữ, vui vẻ,...
- Cách thể hiện giọng nói: âm lượng, thời gian, nhấn mạnh ở một số từ

# Ví dụ về đóng vai

- Tư vấn cho một người dân về phòng lây nhiễm HIV tại cộng đồng
- Nhận xét?

# ĐÓNG VAI

- GIAO NHIỆM VỤ cho học viên
- THÁI ĐỘ
- KỸ NĂNG GIAO TIẾP

# Bài tập số 4

- Soạn một tình huống đóng vai để dạy học?

**DẠY-HỌC BẰNG**  
**NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG**  
**(case-study)**

# MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Trình bày được khái niệm, điều kiện áp dụng và lợi ích của phương pháp dạy-học bằng nghiên cứu tình huống.
2. Xác định nội dung trong lĩnh vực chuyên ngành của mình có thể áp dụng phương pháp dạy-học bằng nghiên cứu tình huống.
3. Soạn được tình huống có đủ các tiêu chuẩn chính để dạy-học.

# KHÁI NIỆM

Dạy-học bằng nghiên cứu tình huống (case-study) là mô tả một tình huống có thể xảy ra trong thực tế, rồi hướng dẫn người học bình luận hoặc thảo luận ra quyết định giải quyết tình huống đó, nhằm giúp họ đạt được mục tiêu học tập đã xác định.

2 loại bài tập nghiên cứu tình huống:

- Bình luận tình huống (case comment exercise)
- Giải quyết tình huống (problem solving exercise)

- Bài tập bình luận tình huống:

Mô tả một tình huống có nêu cả giải pháp, thái độ xử trí, cách ứng xử của người thực hiện nhiệm vụ, rồi yêu cầu học viên bình luận.

- Bài tập giải quyết vấn đề:

Chỉ mô tả tình huống rồi yêu cầu học viên thảo luận ra quyết định (nêu giải pháp, thái độ xử trí...).

Trong cả hai loại bài tập trên học viên đều phải nghiên cứu tình huống để bình luận/ra quyết định!

# LỢI ÍCH

1. Rèn luyện kỹ năng tư duy, nâng kiến thức tích lũy được lên mức cao nhất.
2. Bổ sung những tình huống chưa gặp trong thực tế hoặc đã gặp nhưng chưa có cơ hội ra quyết định.
3. Sử dụng tình huống để lượng giá kỹ năng tư duy, vận dụng kiến thức.

# ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

## Người học:

- Đã được trang bị trang bị kiến thức (đã lên lớp hoặc hướng dẫn tự học).
- Nhóm nhỏ.

## Người dạy:

- Kiến thức vững vàng.
- Có kinh nghiệm thực tế.

# **DẠY-HỌC BẰNG NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG**

## **CÓ HIỆU QUẢ CAO KHI:**

1. Dạy-học vận dụng kiến thức tổng hợp.
2. Dạy-học cách ra quyết định, đề xuất giải pháp trước một tình huống.
3. Dạy-học thái độ xử trí trước một tình huống.

# CÁC BƯỚC SOẠN TÌNH HUỐNG

1. Nghiên cứu mục tiêu học tập của bài.
2. Xác định mục tiêu học tập của tình huống sẽ mô tả.
3. Liệt kê những tình huống có thể sử dụng.
4. Chọn tình huống phù hợp nhất để soạn.
5. Viết bản thảo tình huống.
6. Chỉnh sửa nội dung và văn phong.

## **CÁC TIÊU CHUẨN CHÍNH CỦA MỘT TÌNH HUỐNG ĐƯỢC MÔ TẢ**

1. Phải có trong thực tế, mức độ thường gặp phù hợp với đối tượng đào tạo.
2. Sát hợp với mục tiêu học tập.
3. Viết sáng ý, sử dụng từ ngữ chuẩn xác.
4. Đủ thông tin để người học có thể bình luận, ra quyết định hoặc trả lời câu hỏi.
5. Ngắn nhất mà tình huống cho phép.

# CÁC BƯỚC SỬ DỤNG BÀI TẬP TÌNH HUỐNG ĐỂ DẠY-HỌC

1. Sắp xếp chỗ ngồi (cử thư ký nếu cần).
2. Giới thiệu tình huống (trên slide, giấy Ao, bài in phát tay hoặc video).
3. Nêu rõ nhiệm vụ của học viên.
4. Dành đủ thời gian cho học viên đọc và suy nghĩ về tình huống.
5. Hướng dẫn thảo luận.
6. Tóm tắt kết quả thảo luận, nêu kết luận.

# Ví dụ 1: Bài tập bình luận tình huống

(1 bước, sử dụng để dạy-học)

Môn học: Sư phạm y học

Học viên: Các bác sĩ chuyên khoa II.

Trong một lớp tập huấn cho bác sĩ tuyến huyện về chẩn đoán định hướng sớm các cấp cứu ngoại khoa thường gặp, giáo viên X dành một nửa thời gian để cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.

Theo anh/chị giáo viên X đúng hay sai? Tại sao?

## **Ví dụ 2a: Bài tập giải quyết vấn đề**

**(2 bước, sử dụng để dạy-học)**

**Nội dung tập huấn: Phòng và điều trị dự phòng bệnh dại.**

**Học viên: Cán bộ y tế cơ sở.**

# BƯỚC 1

## Tình huống:

Cháu trai 9 tuổi vừa bị chó của nhà hàng xóm cắn vào cổ chân, vết cắn hơi rớm máu. Chó to, chưa được tiêm phòng dại, vẫn còn sống và không có biểu hiện gì bất thường.

## Câu hỏi cho bước 1:

Anh/Chị hãy chọn cách xử trí đúng trong các cách sau và giải thích tại sao?

- A. Tiêm ngay vắcxin phòng dại.
- B. Tiêm ngay cả vắcxin và huyết thanh kháng dại.
- C. Rửa kỹ vết cắn bằng xà phòng, nhốt chó cho ăn uống đầy đủ, theo dõi 2 tuần.
- D. Cả A và C.
- E. Cả B và C.

Yêu cầu học viên chọn cách xử trí và giải thích.

Hướng dẫn thảo luận đi đến chọn cách C.

## BƯỚC 2

- Mô tả tình trạng con chó trong quá trình theo dõi (nêu các khả năng có thể xảy ra, mỗi khả năng sẽ là một tình huống).
- Đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận để chọn cách xử trí đúng tương ứng với mỗi tình huống.

# Nghiên cứu tình huống

- Dựa trên tình huống cụ thể (thực tế/giả định) trong tất cả các lĩnh vực
- Học viên phân tích, giải quyết

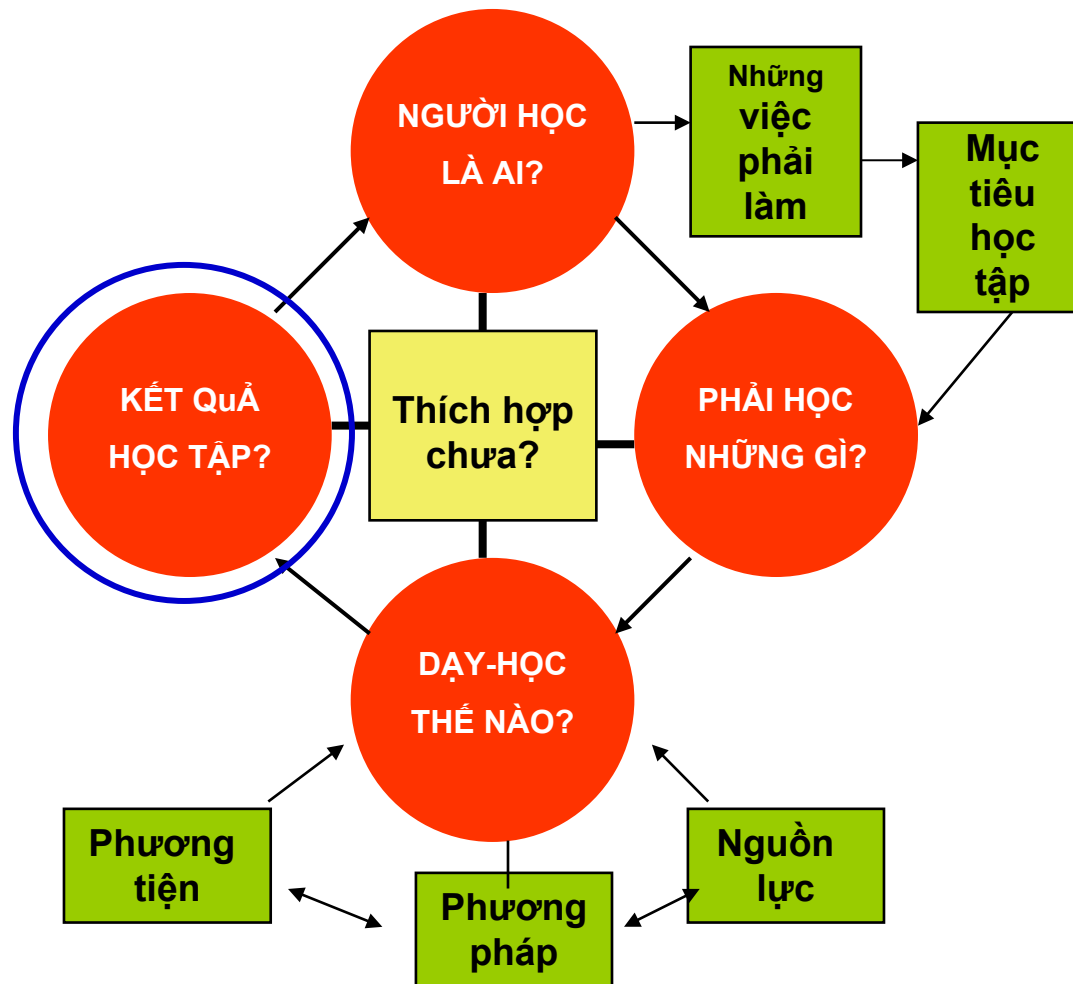
# **KHÁI QUÁT VỀ LƯỢNG GIÁ**

## MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Trình bày được khái niệm và mục đích lượng giá, đánh giá.
2. Trình bày được 3 thời điểm và 3 nhóm người tham gia lượng giá.
3. Phân tích được các tiêu chuẩn của một phương pháp lượng giá tốt.
5. Lập được kế hoạch lượng giá, đánh giá phù hợp với nội dung dạy-học.

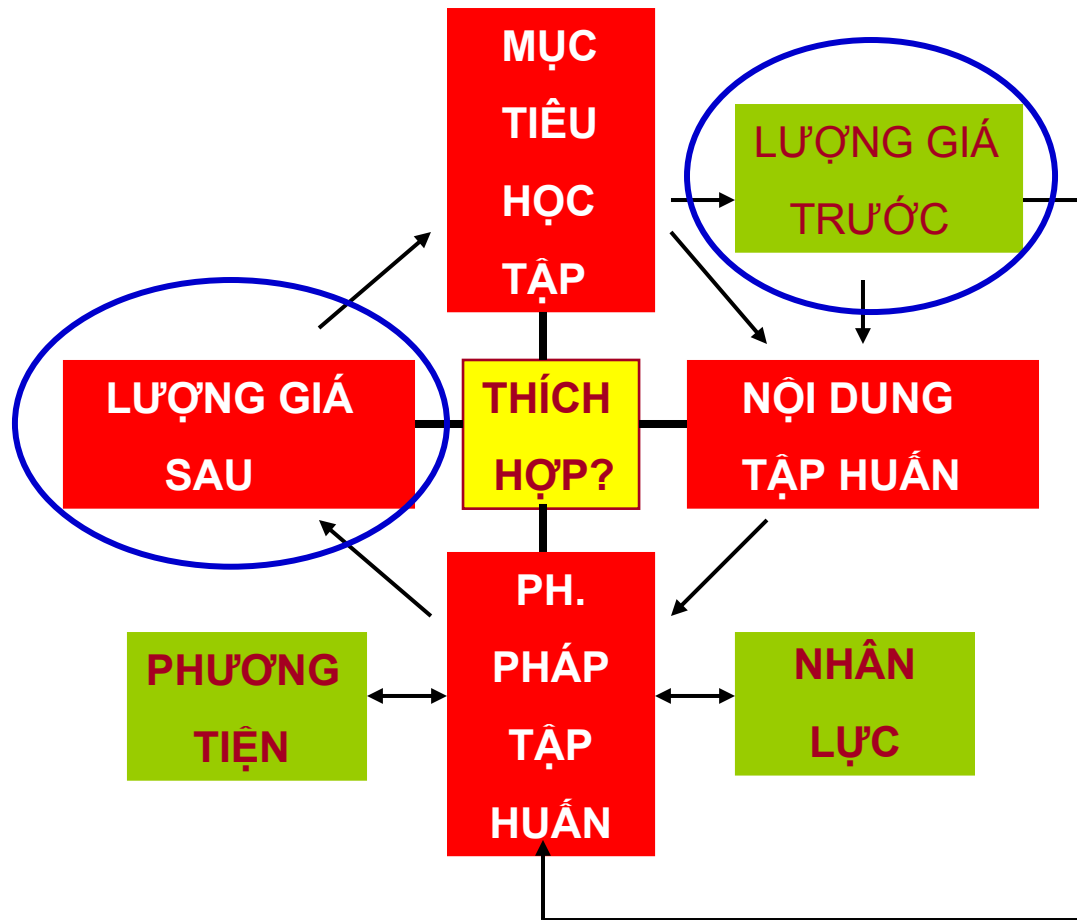
# LƯỢNG GIÁ TRONG QUI TRÌNH DẠY-HỌC

## (Theo Kemp)



# LƯỢNG GIÁ TRONG QUI TRÌNH TẬP HUẤN

( Đ.H.D phỏng theo Kemp, có bổ sung)



# KHÁI NIỆM LƯỢNG GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ

## LƯỢNG GIÁ (ASSESSMENT)

**Lượng giá theo mục tiêu:**

là đo lường mức độ đạt được mục tiêu của người học.

**Lượng giá theo năng lực:**

là đo lường khả năng thực hiện nhiệm vụ của người học bằng cách lượng giá kết hợp cả kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

# CÁC LĨNH VỰC CẦN LƯỢNG GIÁ

## Các lĩnh vực mục tiêu:

thức  
năng

- Kiến
- Kỹ

} Mỗi lĩnh vực:  
Độ rộng? Độ cao?

## Các nhiệm vụ đảm nhận:

độ

Các năng lực cần có khi kết thúc quá trình đào tạo – Nhóm mục tiêu tương ứng mỗi năng lực.

# ĐÁNH GIÁ (EVALUATION)

Đánh giá kết quả học tập của học viên:

Xử lý kết quả lượng giá → Đủ/trượt, xếp loại

Đánh giá kết quả dạy-học:

Dựa trên:

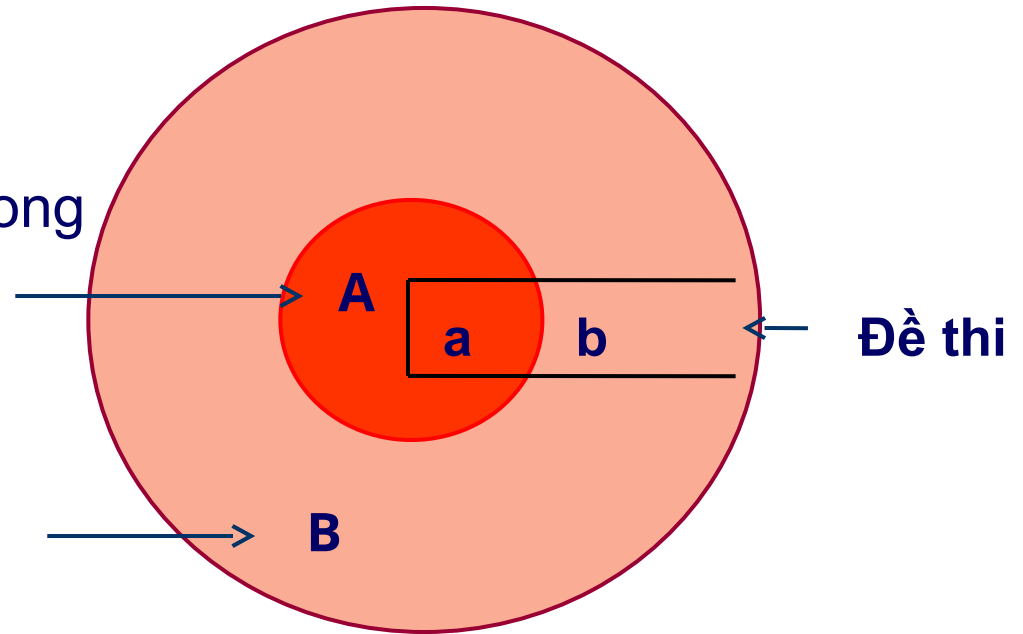
- Kết quả lượng giá.
- Điều kiện cụ thể.

# KIẾN THỨC HẠT NHÂN VÀ LƯỢNG GIÁ

**Kiến thức phải học**

**Hạt nhân:** Cốt lõi, Thường trực, thi xong vẫn phải nhớ (A)

**Bình thường** thi xong có thể quên (B)



$$\text{Kiến thức phải học} = A + B$$

$$\text{Đề thi} = a + b \quad (a/A \gg b/B)$$

# CÁC MỤC ĐÍCH CỦA LƯỢNG GIÁ

Mục đích chính là cung cấp phản hồi cho học viên, giáo viên và người quản lý đào tạo

- Tuyển sinh.
- Kích thích, hỗ trợ học tập.
- Điều chỉnh hoạt động dạy.
- Đánh giá kết quả học tập.
- Cấp chứng chỉ, cấp bằng.
- Đánh giá chất lượng đào tạo.

# KHÁI NIỆM PHẢN HỒI (ĐỐI VỚI HỌC VIÊN)

Có thể xếp thành 2 loại:

1. Phản hồi ngoại sinh:

- Từ thầy, từ bạn và từ cộng đồng.
- Quan trọng nhưng không mang tính tích cực.

2. Phản hồi nội sinh:

- Tự phản hồi, tự lượng giá
- Mang tính tích cực chủ động của người học.

## 4 PHẨM CHẤT CHÍNH CỦA PHẢN HỒI

1. Kịp thời
2. Thường xuyên
3. Bao phủ mục tiêu, nội dung dạy-học
4. Kết hợp phản hồi nội sinh và ngoại sinh, tăng cường phản hồi nội sinh.

### 3 THỜI ĐIỂM LƯỢNG GIÁ:

- Trước khi dạy-học (tiền trắc nghiệm - Pretest)
- Trong khi dạy-học (lượng giá thường xuyên)
- Khi kết thúc (hậu trắc nghiệm - Post test)

### 3 NHÓM NGƯỜI THAM GIA LƯỢNG GIÁ

- Giáo viên: kích thích, hỗ trợ, đánh giá kết quả.
- Học viên (tự lượng giá): điều chỉnh việc học.
- Bạn học và cộng đồng: giúp đỡ quá trình học.

# CÁC TIÊU CHUẨN CỦA MỘT PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ TỐT

## 1. Tính giá trị:

Khả năng lượng giá chính xác mục tiêu học tập.

## 2. Tính tin cậy:

Tính ổn định kết quả.

## 3. Tính tách biệt:

Khả năng phân loại người học.

## 4. Tính công bằng:

Chuẩn mực lượng giá đồng nhất, khách quan.

## 5. Tính kinh tế:

Mức chi phí hợp lý.

# LẬP KẾ HOẠCH LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Xác định phương pháp, chuẩn bị công cụ và tổ chức lượng giá, đánh giá.

Tên bài/chủ đề dạy-học	Số tiết học	Phương pháp Lượng giá	Công cụ lĩng gi,
Bài 1. ... (Lý thuyết)	2	Trắc nghiệm	20 test MCQ 10 test T/F
Bài 2. Thực hành...	4	Thực hiện trên mô hình	Bảng kiểm Thang điểm
Lượng giá, đánh giá Kết thúc		Tr <sup>3</sup> / <sub>4</sub> c nghiÖm + Thùc hụnh	Tests, BK, TĐ Xác định mức phân loại

● **Không có phương pháp lượng giá nào:**

- chỉ toàn ưu điểm

hoặc

- chỉ toàn nhược điểm.

● **Quan trọng nhất là chọn phương pháp phù hợp:**

- mục tiêu học tập.

- điều kiện dạy-học cụ thể.

# LƯỢNG GIÁ THÁI ĐỘ VÀ KỸ NĂNG

## MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Phân tích được 5 nguyên tắc lượng giá thái độ.
2. Trình bày được ưu nhược điểm và ứng dụng của các phương pháp lượng giá kỹ năng: bảng kiểm-thang điểm, nghiên cứu tình huống và chạy trạm.
3. Soạn được bảng kiểm-thang điểm và câu hỏi tình huống để lượng giá kỹ năng.

## **ĐỊNH NGHĨA LƯỢNG GIÁ THÁI ĐỘ**

Lượng giá thái độ trong đào tạo nhân lực y tế là, đo lường cách nhìn nhận về nghề nghiệp, nhiệm vụ, bệnh nhân, đồng nghiệp, cộng đồng qua hành vi ứng xử và thực hiện nhiệm vụ.

## 5 NGUYÊN TẮC LƯỢNG GIÁ THÁI ĐỘ

1. Kết hợp với lượng giá kỹ năng.
2. Dựa trên tình huống thực.
3. Dựa trên các qui định và chuẩn mực chung.
4. Quan sát trong suốt quá trình đào tạo.
5. Dựa vào nhiều nguồn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ THÁI ĐỘ

- Quan sát khi học viên giao tiếp.
- Quan sát khi học viên thể hiện lúc đóng vai.
- Kết hợp khi lượng giá kỹ năng.
- Sổ theo dõi học viên trong mỗi đợt học.
- Phiếu xin ý kiến khi dạy-học trên lâm sàng hoặc cộng đồng.

## LƯU Ý PHÂN BIỆT THÁI ĐỘ VÀ KIẾN THỨC VỀ THÁI ĐỘ

- Thái độ (Attitude): A trong KAS.
- Kiến thức về thái độ (Knowledge): K trong KAS.
- Bài lý thuyết không có mục tiêu thái độ, chỉ có mục tiêu kiến thức (trong đó có thể có kiến thức về thái độ).

# LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG

Ba loại kỹ năng chính trong đào tạo nhân lực y tế:

- Kỹ năng thao tác
- Kỹ năng tư duy
- Kỹ năng giao tiếp

# CÁC PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG

## Phương pháp

## Lượng giá kỹ năng

Quan sát cổ điển

Thao tác

Thi lâm sàng

Lâm sàng tổng hợp

Bảng kiểm-thang điểm

Thao tác

Nghiên cứu tình huống

Tư duy

Chạy trạm  
tiếp

Thao tác, tư duy, giao

Đóng vai

Giao tiếp

Báo cáo sản phẩm

Thao tác, tư duy

# Ví dụ 1: Bài tập bình luận tình huống

## (Sử dụng để thi trắc nghiệm)

Môn học: Sư phạm y học

Học viên: Các bác sĩ chuyên khoa II.

1. Trong một lớp tập huấn cho bác sĩ tuyến huyện về chẩn đoán định hướng sớm các cấp cứu ngoại khoa thường gặp, giáo viên X dành một nửa thời gian để cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.

Theo anh/chị giáo viên X đúng hay sai? Đ S

(Khoanh tròn chữ Đ nếu đúng, chữ S nếu sai)

Đáp án: S

## **Ví dụ 2: Bài tập tình huống- giải quyết vấn đề** (Sử dụng đề thi trắc nghiệm – Cán bộ y tế cơ sở)

2. Cháu trai 9 tuổi vừa bị chó của nhà hàng xóm cắn vào cổ chân, vết cắn hơi rớm máu. Chó to, chưa được tiêm phòng dại, vẫn còn sống và không có biểu hiện gì bất thường.

**Chọn cách xử trí đúng trong các cách sau:**

- A. Tiêm ngay vắc xin phòng dại.
- B. Tiêm ngay cả vắc xin và huyết thanh kháng dại.
- C. Rửa kỹ vết cắn bằng xà phòng, nhốt chó cho ăn uống đầy đủ, theo dõi 2 tuần.
- D. Cả A và C.
- E. Cả B và C.

Đáp án: C

# LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG

# BẢNG BẢNG KIỂM-THANG ĐIỂM

## CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

1. Soạn bảng kiểm.
2. Soạn thang điểm.
3. Thông qua bộ môn hoặc nhóm giáo viên.
4. Tiến hành lượng giá.

# MẪU THANG ĐIỂM

Thang điểm . . . . . (Tên thang điểm)

TT	TÊN BƯỚC	TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT	PHÂN BỐ ĐIỂM
1			
2			
3			
4			

**VÍ DỤ: BẢNG KIỂM NHUỘM ĐƠN TÌM VI KHUẨN GÂY BỆNH**  
**ĐỐI TƯỢNG DẠY-HỌC: KTYH2**

<b>TT</b>	<b>CÁC BƯỚC</b>	<b>Ý NGHĨA</b>	<b>TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT</b>
1	Lấy huyền dịch vi khuẩn dàn lên phiến kính	Làm tiêu bản mỏng, dễ quan sát vi khuẩn	-Tạo được màng ở vòng đầu que cấy. -Dàn đủ mỏng, đều. -Đúng thao tác vô trùng.
2	Để khô và cố định tiêu bản.	Để gắn vi khuẩn lên phiến kính, làm vi khuẩn chết nhưng không bị biến dạng.	-Kiểm tra tiêu bản khô mới cố định. - Cất tiêu bản qua ngọn lửa đèn cồn đúng cách.
3	Nhỏ thuốc nhuộm	Để nhuộm vi khuẩn	-Thuốc nhuộm phủ kín vùng dàn huyền dịch vi khuẩn. - Chờ 1 phút.
4	Rửa tiêu bản	Loại bỏ thuốc nhuộm thừa để có thể quan sát vi khuẩn.	-Để tiêu bản nghiêng, cho nước chảy nhẹ qua vùng nhuộm đến khi nước trong.
5	Đọc kết quả	Quan sát hình thể, tính chất bắt màu và đặc điểm sắp xếp của vi khuẩn.	-Tiêu bản khô mới soi. -Vi khuẩn bắt màu tốt, hình thể rõ nét, mật độ đều.

# VÍ DỤ: THANG ĐIỂM NHUỘM ĐƠN TÌM VI KHUẨN

## Đối tượng dạy-học: Sinh viên KTYH2

TT	CÁC BƯỚC	TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT	ĐIỂM ĐẠT		
			A	B	C
1	Dàn vi khuẩn lên phiến kính	- Thao tác đúng. - Dàn đều, đủ mỏng	2	1	0
2	Để khô và cố định tiêu bản	- Kiểm tra tiêu bản khô. - Cố tiêu bản qua ngọn lửa đúng cách.	2	1	0
3	Nhỏ thuốc nhuộm	- Thuốc nhuộm phủ kín vùng dàn vi khuẩn. - Chờ 1 phút.	1		0
4	Rửa tiêu bản	- Cho nước chảy nhẹ qua vùng nhuộm đến khi nước trong.	1		0
5	Đọc kết quả	- Để khô ới soi. Hình thể vi khuẩn rõ nét, mật độ đều.	4	2	0

Ghi chú: A = Đạt tiêu chuẩn trọn vẹn, B = Có khiếm khuyết nhỏ, C = Không làm hoặc làm sai cơ bản.

**Đánh giá kết quả:** Theo qui định bình thường với thang điểm 10.

# **LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG BẰNG NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG**

## **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

1. Soạn tình huống.
2. Soạn câu hỏi cho tình huống.
3. Thông qua bộ môn hoặc nhóm giáo viên.
4. Tiến hành lượng giá.

# SO SÁNH TÌNH HUỐNG SỬ DỤNG KHI DẠY-HỌC VÀ KHI THI TRẮC NGHIỆM

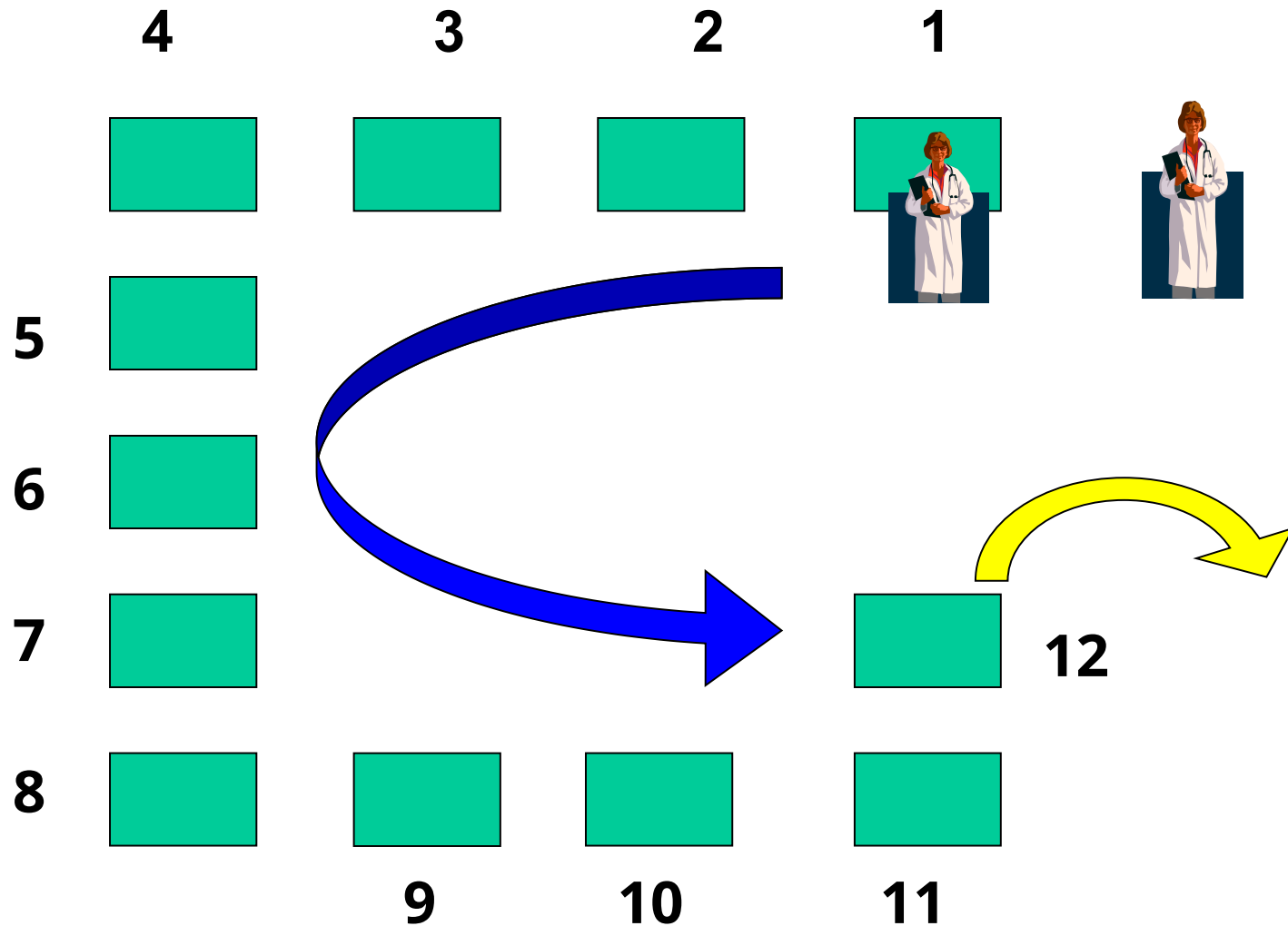
Nội dung So sánh	Tình huống sử dụng	
	Khi dạy-học	Thi trắc nghiệm
Giống nhau	Có đủ các tiêu chuẩn chính	Có đủ các tiêu chuẩn chính
Khác nhau: - Độ lớn - Số bước - Số câu hỏi - Loại câu hỏi	Có thể lớn $\geq 1$ Thường $>1$ Có thể nhiều ____	Nên nhỏ Chỉ 1 Nên 1 Trắc nghiệm

# LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG BẰNG CHẠY TRẠM ( OSPE / OSCE )

## CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

1. Xây dựng sơ đồ các trạm (số lượng trạm và nội dung lượng giá ở mỗi trạm) .
2. Soạn câu hỏi và xác định điểm cho mỗi trạm.
3. Thông qua bộ môn hoặc nhóm giáo viên
4. Tiến hành lượng giá.

# LƯỢNG GIÁ KỸ NĂNG BẰNG CHẠY TRẠM



# LƯỢNG GIÁ KIẾN THỨC

# MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Phân tích được ưu nhược điểm của 3 phương pháp lượng giá kiến thức thường được sử dụng.
2. Trình bày được cấu trúc của các loại câu hỏi trắc nghiệm thường được sử dụng.
3. Soạn được 5 loại câu hỏi trắc nghiệm (nhiều lựa chọn, đúng sai, ghép cặp, ngỏ ngấn và tình huống).
4. Nêu được những điểm chính cần lưu ý khi soạn câu hỏi trắc nghiệm.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ KIẾN THỨC

1. Thi viết với ít câu hỏi lớn.  
(Thi viết truyền thống).
2. Thi viết với nhiều câu hỏi nhỏ.
3. Thi vấn đáp.
4. Thi trắc nghiệm.
5. Bảo vệ khóa luận, luận văn.

# ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA THI VIẾT TRUYỀN THỐNG

## ƯU ĐIỂM:

- Công bằng về đề thi.
- Làm đề nhanh, không đòi hỏi thêm phương tiện.
- Tổ chức thi đơn giản.

## NHƯỢC ĐIỂM:

- Phạm vi hỏi hẹp, nặng về thuộc.
- Hạn chế việc phân biệt mức độ hiểu.
- Đáp án không bao phủ hết các cách trình bày.
- Chấm thi mất nhiều thời gian.

# ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA THI VẤN ĐÁP

## ƯU ĐIỂM :

- Có thể hỏi rộng.
- Phân biệt được mức độ hiểu bài.
- Không đòi hỏi phương tiện gì đặc biệt.
- Lên điểm nhanh.

## NHƯỢC ĐIỂM:

- Tính giá trị phụ thuộc nhiều vào thầy.
- Tính tin cậy thấp.
- Tính công bằng bị hạn chế.

# ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA THI TRẮC NGHIỆM

## ƯU ĐIỂM :

- Có thể hỏi rộng.
- Đáp án rõ ràng, tính tin cậy đạt mức cao nhất.
- Khách quan, công bằng.
- Thời gian thi ngắn, chấm thi nhanh.

## NHƯỢC ĐIỂM:

- Nặng về lượng giá mức độ thuộc bài.
- Tính tách biệt của mỗi câu hỏi không cao.

- Đòi hỏi phương tiện (máy tính, máy in đề...)

- Hạn chế phát triển năng lực diễn đạt.

# CÁC LOẠI CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Câu hỏi nhiều lựa chọn.
- Câu hỏi đúng sai.
- Câu hỏi ngắn gọn.
- Câu hỏi ghép cặp.
- Câu hỏi tình huống.

# 1. CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN

## (NHIỀU KHẢ NĂNG CHỌN 1)

### Cấu trúc:

- Thân chung

- Bốn hoặc 5 ý, có 1 ý đúng hoặc đúng nhất.  
(Thân chung + mỗi ý = câu hoàn chỉnh)

### Cho điểm:

- Đúng điểm dương (thường 1 điểm / 1 câu).

- Không làm: điểm 0.

- Sai: điểm 0 hoặc -1/4 (nếu câu có 4 ý chọn 1).

## Ví dụ câu hỏi nhiều lựa chọn

**Khoanh tròn chữ cái đứng đầu 1 ý đúng nhất:**

1. Ba thành phần cấu trúc của một mục tiêu chuyên biệt (mục tiêu cụ thể) phải luôn luôn được viết ra là:
  - A. Động từ hành động, điều kiện, tiêu chuẩn phải đạt.
  - B. Nội dung hành động, điều kiện, tiêu chuẩn phải đạt.
  - C. Động từ hành động, nội dung hành động, tiêu chuẩn phải đạt.
  - D. Nội dung hành động, công cụ, tiêu chuẩn phải đạt.

2. ...

Đáp án: 1. C; 2. ...

## 2. CÂU HỎI ĐÚNG SAI

**2 loại:** 

- Có thân chung
- Không có thân chung

### Cấu trúc:

Câu hỏi đúng sai có thân chung:

- Thân chung.
- Nhiều ý trong đó có  $> 1$  ý đúng  
(Thân chung + mỗi ý = câu hoàn chỉnh)

Câu hỏi không có thân chung:

Là một câu độc lập mang nội dung đúng / sai.

### Cho điểm:

- Đúng: điểm dương. Sai điểm âm. Không làm: điểm 0.
- Thường mỗi câu độc lập / mỗi ý ứng với 1 điểm.

# Câu hỏi nhiều lựa chọn

<p>Sự quyết định đúng đắn nhất trong chăm sóc sức khỏe có nghĩa là:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>A. Tuân thủ theo các quy định của Luật chăm sóc sức khỏe nhân dân</li><li>B. Tuân thủ theo các quy định của Hội đồng chuyên môn</li><li>C. Các nguyên lý của đạo đức y học</li><li>D. Quyền lợi tốt nhất cho người bệnh và các quy định chuyên môn</li></ul>	<b>D</b>
<p>Tôn trọng quyền tự chủ trong khám chữa bệnh có nghĩa là:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>A. Bác sĩ chủ động thực hiện các chỉ định, kỹ thuật tốt nhất cho người bệnh</li><li>B. Yêu cầu bệnh nhân thực hiện các chỉ định của bác sĩ trong quá trình chăm sóc nhằm đạt được hiệu quả tối đa trong điều trị</li><li>C. Bác sĩ &amp; người bệnh cùng thảo luận để lựa chọn phương án điều trị &amp; chăm sóc tốt nhất</li><li>D. Bệnh nhân phải tuân thủ toàn bộ quá trình điều trị khi đã đồng ý</li></ul>	<b>C</b>

# Câu hỏi đúng sai có thân chung

Câu 94. Công bằng trong chăm sóc y khoa nghĩa là:	Đúng	Sai
A. Mọi bệnh nhân đều được hưởng chế độ bảo hiểm và viện phí giống nhau		X
B. Mọi người đều được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe khi cần thiết và theo nhu cầu bản thân	X	
C. Ưu tiên cấp cứu và điều trị cho những người có khả năng chi trả cao hơn		X
D. Ưu tiên trẻ nhỏ, người già, người đang cần cấp cứu	X	



• Ví dụ câu hỏi Đ/S không có thân chung

**Khoanh tròn chữ Đ nếu câu đúng, chữ S nếu câu sai:**

1. Tình huống chỉ được sử dụng khi dạy-học lâm sàng. Đ S
2. Với cán bộ y tế tuyến cơ sở nên chọn tình huống thường gặp để dạy-học. Đ S
3. Tình huống để đưa vào ngân hàng câu hỏi thi có thể có nhiều bước. Đ S
4. . . . .

Đáp án: 1. S, 2. S, 3. S, 4. . . . .

### 3. CÂU HỎI NGỎ NGẮN

#### Cấu trúc:

Mỗi câu hỏi là một câu (hoặc một hình) có 1 hoặc một số chỗ trống (ngỏ) để thí sinh chọn nội dung đúng (ngắn) bổ sung vào.

#### Cho điểm:

- Đúng: điểm dương.
- Sai / Không làm: điểm 0.
- Thường mỗi ý cần bổ sung ứng với 1 điểm.

• Ví dụ câu hỏi ngắn

Hãy bổ sung nội dung đúng vào chỗ trống:

1. Ba lĩnh vực mục tiêu học tập là:

- . . .

- . . .

- . . .

2. . . .

Đáp án: 1. – Kiến thức – Thái độ – Kỹ năng  
(có thể hoán vị)

2. . . .

# Câu hỏi ngỏ ngẩn

Điền vào chỗ trống đáp án thích hợp

các nhóm thuốc điều trị hạ acid uric máu bao gồm?

1-----

2-----

3-----

•Đáp án:

- Nhóm ức chế xanthin oxidase
- Nhóm tăng đào thải acid uric
- Nhóm uricase

## 4. CÂU HỎI GHÉP CẶP

### Cấu trúc:

- Hai nhóm nội dung có số ý bằng nhau hoặc khác nhau.
- Mỗi ý của nhóm này (nhóm ít ý hơn nếu không bằng nhau) tương ứng với 1 ý đúng ở nhóm kia (sắp xếp ngẫu nhiên).

### Cho điểm:

- Thí sinh phải ghép cặp có nội dung tương ứng.
- Mỗi cặp ghép đúng thường cho 1 điểm.

## Ví dụ câu hỏi ghép cặp

**Hãy ghép đôi số và chữ đứng đầu hai ý phù hợp:**

1. *Vacxin (vx) đang sử dụng ở nước ta:*

1. vx uốn ván,      2. vx sởi,      3. vx tả,  
A. vx sống.    B. vx chết,    C. vx giải độc tố.

Có thể coi là dạng đặc biệt của câu hỏi ngỏ ngấn:

**Hãy chọn chữ ở đầu ý phù hợp điền vào chỗ trống:**

1. *Vacxin (Vx) đang sử dụng ở nước ta:*

1. vx uốn ván ... ,    2. vx sởi ... ,    3. vx tả ...  
A. vx sống,    B. vx chết,    C. vx giải độc tố.

Đáp án: 1. 1-C, 2-A, 3-B.

## 5. CÂU HỎI TÌNH HUỐNG

### Cấu trúc:

- Tình huống.

- Câu hỏi cho tình huống:

Câu hỏi trắc nghiệm: nếu dùng để thi trắc nghiệm.

Bất kỳ loại câu hỏi nào: nếu dùng trong quá trình dạy-học (chọn loại phù hợp nhất với tình huống).

### Cho điểm:

- Câu hỏi trắc nghiệm: Nguyên tắc như với các câu hỏi trắc nghiệm khác nhưng thường có hệ số cao hơn.

- Các loại câu hỏi khác: Thường dùng trong khi dạy-học, rất ít dùng khi thi.

**Câu 98.** Cháu N. 4 tuổi được gia đình đưa đến Viện Nhi khám vì sốt cao. Bác sĩ chẩn đoán cháu bị viêm phổi và chuyển vào Khoa Hô hấp điều trị. Khoa Hô hấp ở tầng 4 của toà nhà 6 tầng. Giường cháu N. ở sát cửa sổ. Trong lúc chơi đùa, cháu N. đã bước qua buc cửa sổ cao khoảng 40cm và rơi từ tầng 4 xuống đất do cửa sổ không có chấn song. Gia đình cháu N. kiện bệnh viện vì gây ra cái chết của cháu. Bệnh viện trả lời: các cháu nhỏ dưới 10 tuổi khi nằm viện phải có người trông nom, bệnh viện đã cho bố mẹ cháu vào nằm cùng giường với mục đích là người bảo hộ cho cháu, do vậy, bố mẹ cháu phải có trách nhiệm trông cháu trong lúc chơi, cửa sổ không có chấn song là do thiết kế và xây dựng, không phải lỗi của bệnh viện. Được biết tòa nhà này chưa được nghiệm thu, nhưng bệnh viện vẫn tận dụng để kê giường cho bệnh nhân nằm vì bệnh nhân quá đông.

*Hãy chọn lý trả lời đúng nhất*

1. Câu trả lời của bệnh viện là:

- A. Đúng vì trẻ dưới 10 tuổi phải có bố mẹ là người bảo hộ. Người bảo hộ có trách nhiệm trông nom trẻ trong suốt thời gian điều trị
- B. Sai vì trẻ đang nằm viện là trong diện quản lý của bệnh viện, nên bệnh viện phải có trách nhiệm bảo vệ trẻ cùng với bố mẹ
- C. Đúng vì do bệnh nhân quá đông nên cần phải kê thêm giường cho bệnh nhân nằm điều trị
- D. Sai vì tòa nhà này chưa nghiệm thu về thi công, nên không được phép sử dụng

## Ví dụ câu hỏi tình huống

1. Trong một lớp tập huấn cho bác sĩ tuyến cơ sở về chẩn đoán định hướng sớm các cấp cứu ngoại khoa. Bốn giáo viên đề xuất thời lượng dành cho cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh nên chiếm tỷ lệ (so với toàn bộ quỹ thời gian tập huấn) là: 60%, 40%, 20% và 0%.

Anh/Chị đồng ý với ý kiến nào? (Khoanh tròn chữ cái đứng đầu tỷ lệ mà anh/chị đồng ý).

A. Khoảng 60%.

B. Khoảng 40%.

C. Khoảng 20%.

D. 0% (không cần đề cập).

Đáp án: 1. C

## NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI SOẠN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Đúng mục tiêu học tập.
- Tăng tỷ lệ câu hỏi lượng giá những kiến thức cốt lõi.
- Tăng tỷ lệ câu hỏi lượng giá mức độ hiểu và khả năng tư duy vận dụng kiến thức.
- Biên tập đúng cấu trúc, khúc chiết.
- Sáng ý hỏi.
- Chỉ có một đáp án đúng.
- Chỉ số khó trong phạm vi cho phép.
- Chỉ số tách biệt trong phạm vi cho phép..

# ANH/CHỊ HÃY NÊU 3 TIÊU CHUẨN CƠ BẢN NHẤT CỦA MỘT CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM?

(Nếu không đạt một trong ba tiêu chuẩn đó  
thì tùy mức độ mà phải sửa hoặc phải bỏ)

- . . .

- . . .

- . . .

# Bài tập số 03 (cá nhân)

- Soạn 5 tests lượng giá (với 5 loại khác nhau) thuộc bộ tests để lượng giá bài dạy-học (cùng bài ở bài tập 2):
  1. Câu hỏi trắc nghiệm
  2. Câu hỏi đúng sai
  3. Câu hỏi ngỏ ngắn
  4. Câu hỏi ghép cặp
  5. Câu hỏi tình huống

# **KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC**

(Kế hoạch bài giảng)

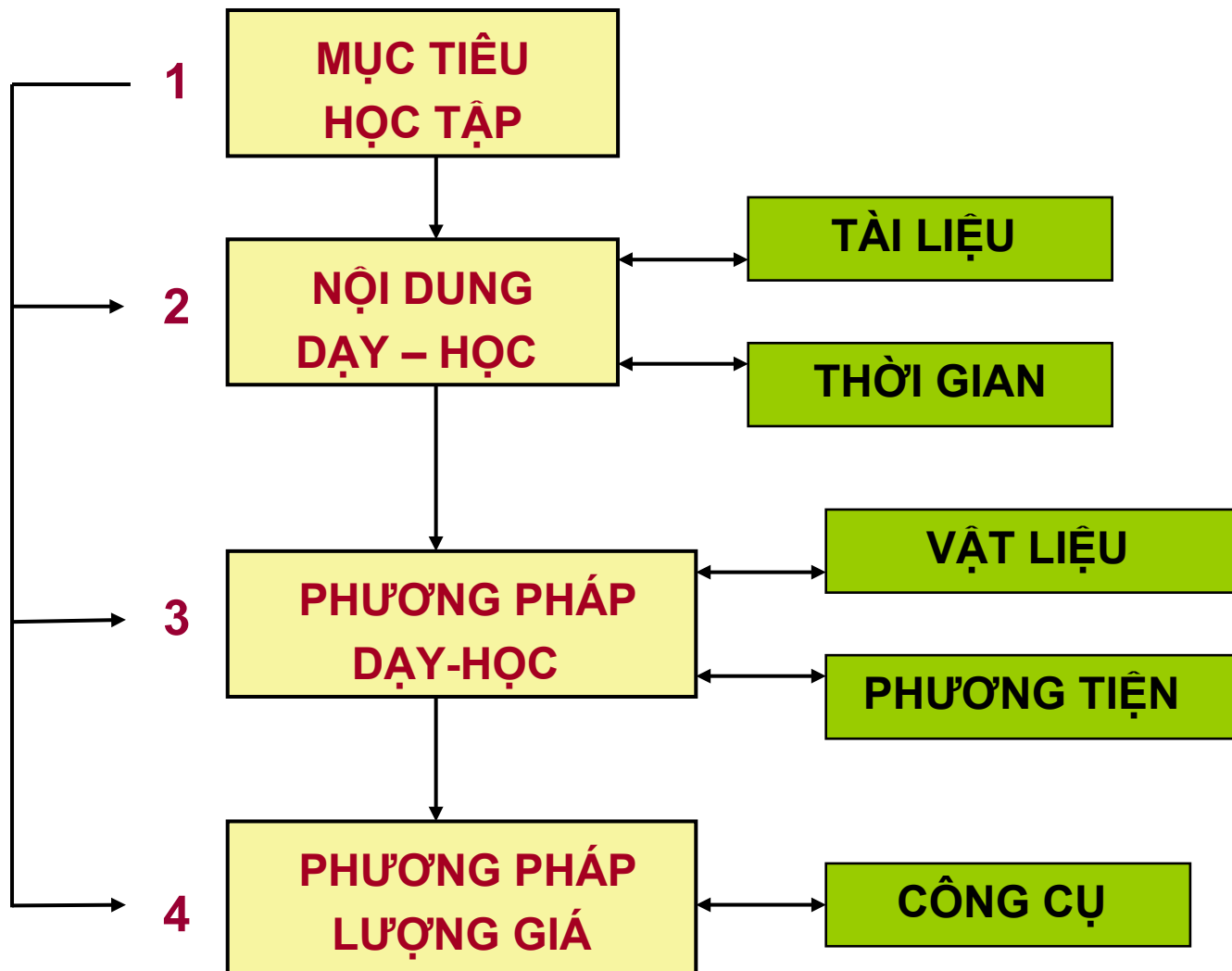
# MỘT SỐ THUẬT NGỮ

- Giáo trình
- Giáo án
- Kế hoạch bài giảng
- Kế hoạch bài dạy-học

## MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Trình bày được các bước viết kế hoạch bài dạy-học.
2. Phân tích được các tiêu chuẩn chính của kế hoạch bài dạy-học.
3. Soạn được kế hoạch bài dạy-học thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

# CÁC BƯỚC SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC



# **BỐ CỤC BẢN KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC**

1. Phần hành chính
2. Mục tiêu học tập
3. Mở bài
4. Nội dung dạy-học chủ yếu  
(Bảng khái quát kế hoạch dạy-học)
5. Kế hoạch lượng giá
6. Công cụ lượng giá
7. Vật liệu, phương tiện dạy-học
8. Tài liệu dạy-học

## CÁC MỤC TRONG PHẦN HÀNH CHÍNH

Tên môn học/Tên lớp tập huấn:

Tên bài:

Loại bài (LT / TH / LT+TH?)

Thời gian (tiết):

Đối tượng:

Số lượng học viên:

Nơi giảng:

Người soạn:

# BẢNG KHÁI QUÁT KẾ HOẠCH DẠY-HỌC (BÀI LÝ THUYẾT)

Nội dung dạy-học chủ yếu	Thời gian (Ph.)	Phương pháp dạy-học	Phương tiện vật liệu dạy-học	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học viên
<b>Mở bài</b>	...	...	...	...	...
<b>Nội dung chính:</b> 1. ... 2. ... 3. ... ... ..	... ... ... ...	... ... ... ...	... ... ... ...	... ... ... ...	... ... ... ...
<b>Lượng giá cuối bài</b> <b>Tổng kết</b>	...	...	...	...	...

# BẢNG KHÁI QUÁT KẾ HOẠCH DẠY-HỌC (BÀI THỰC TẬP)

<b>Nội dung dạy-học chủ yếu</b>	<b>Thời gian (Ph.)</b>	<b>Phương pháp dạy-học</b>	<b>Phương tiện vật liệu dạy-học</b>	<b>Hoạt động của giáo viên</b>	<b>Hoạt động của học viên</b>
<b>Mở bài</b>	...	...	...	...	...
<b>Nội dung chính (với đa số bài TT)</b>	...	...	...	...	...
<b>1. Lý thuyết TT</b>	...	...	...	...	...
<b>2. Trình diễn</b>	...	...	...	...	...
<b>3. Tổ chức TT</b>	...	...	...	...	...
<b>4. Lượng giá</b>	...	...	...	...	...
<b>Thảo luận Tổng kết</b>	...	...	...	...	...

# CÁC TIÊU CHUẨN CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC

## 1. PHẦN HÀNH CHÍNH:

- Tên bài phù hợp, giới hạn rõ ràng.
- Đủ các nội dung theo qui định.

## 2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

- Đủ các mục tiêu phù hợp với bài.

- Mỗi mục tiêu:

  - Đúng cấu trúc.

  - Đủ các phẩm chất cần thiết.

### 3. MỞ BÀI:

- Ngắn gọn
  - Phù hợp với chủ đề dạy-học.
  - Thu hút, tạo sự hưng phấn.
- (Đa dạng, không công thức)

## 4. NỘI DUNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU

### (Nội dung trong bảng khái quát)

#### 4.1. Nội dung chuyên môn:

- Nêu được những điểm then chốt.
- Phù hợp với mục tiêu học tập.
- Phù hợp với tài liệu dạy-học.
- Không có sai sót về chuyên môn.

## 4.2. Phân chia thời gian:

- Phù hợp với nội dung

(cần giảng, cần thảo luận trên lớp)

- Các khoảng thời gian được chia không quá lớn hoặc quá nhỏ.

### 4.3. Phương pháp dạy-học

- Phù hợp với mục tiêu, nội dung.
- Tích cực hóa được học viên.
- Có khả năng thực hiện được.

### 4.4. Hoạt động của giáo viên và học viên

Nêu được các hoạt động chính của giáo viên và học viên tương ứng với mỗi mục lớn.

## 5. KẾ HOẠCH LƯỢNG GIÁ

(cho bài dạy-học khi hết môn/ tập huấn)

Cho biết rõ:

- Phương pháp/các phương pháp lượng giá sẽ được sử dụng.
- Nêu các công cụ lượng giá sẽ được sử dụng và số lượng mỗi loại.

## 6. CÔNG CỤ LƯỢNG GIÁ

(cho bài dạy-học khi hết môn/tập huấn)

- Soạn đủ số lượng các loại công cụ lượng giá theo kế hoạch.
- Bao phủ hết được mục tiêu học tập của bài.
- Với câu hỏi trắc nghiệm: sát mục tiêu học tập; sáng ý hỏi; đáp án chính xác.

## 7. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY-HỌC:

- Liệt kê đủ vật liệu & phương tiện cần thiết.
- Soạn đủ vật liệu chính phù hợp với phương pháp dạy-học đã chọn (câu hỏi, sơ đồ, biểu đồ, hình vẽ, tình huống, bảng kiểm... )

## 8. TÀI LIỆU DẠY-HỌC:

- Nêu rõ tài liệu dạy-học chính.
- Giới thiệu một số tài liệu tham khảo phù hợp (cho người học)
- Mỗi tài liệu ghi đủ thông tin để người học có tìm được, tìm đúng.

# SOẠN THẢO VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BÀI DẠY-HỌC

- Do giáo viên trực tiếp dạy soạn thảo.
- Có sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong bộ môn/nhóm giáo viên tập huấn.
- Xác nhận của trưởng bộ môn hoặc trưởng nhóm giáo viên tập huấn.

# Bài tập cá nhân

- Hãy soạn một kế hoạch bài giảng mà cá nhân đã chọn dự kiến (bài tập số 2 hoặc chủ đề thuyết trình)?